Số: 59/2026/TT-BNNMT
Thời gian ký: 2026-11-27T10:28:34+07:00

Phụ lục II

GIẢI THÍCH KHÁI NIỆM, HƯỚNG DẪN CÁCH XÁC ĐỊNH CÁC CHỈ TIÊU THỐNG KÊ, ĐÁNH GIÁ THIỆT HẠI DO THIÊN TAI

(Kèm theo Thông tư số: /2026/TT-BNNMT ngày tháng năm 2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

A. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Thiệt hại do thiên tai được thống kê là thiệt hại phát sinh trực tiếp từ tác động của thiên tai.

2. Chỉ tiêu được thống kê thiệt hại phải tồn tại trước thời điểm xảy ra thiên tai và thuộc phạm vi quản lý, sử dụng hoặc khai thác tại thời điểm đó. Không thống kê đối với chỉ tiêu đã không còn tồn tại hoặc không còn được quản lý, sử dụng, khai thác trước khi thiên tai xảy ra.

3. Việc xác định thiệt hại được thực hiện trên cơ sở đối chiếu hiện trạng của chỉ tiêu trước và sau khi xảy ra thiên tai. Thông tin về hiện trạng trước thiên tai được xác định từ hồ sơ quản lý, hồ sơ đăng ký, số liệu thống kê, dữ liệu số, hình ảnh, tài liệu có liên quan hoặc thông tin do cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân cung cấp. Hiện trạng sau thiên tai được xác định thông qua kiểm tra thực tế, hình ảnh, dữ liệu số, hồ sơ, tài liệu có liên quan.

4. Việc ước tính thiệt hại thực hiện theo quy định tại Điều 7 Thông tư này. Mỗi thiệt hại chỉ được tính một lần, không cộng dồn hoặc tính trùng giữa các chỉ tiêu.

B. BIỂU MẪU SỐ 01: BẢNG TỔNG HỢP THỐNG KÊ, ĐÁNH GIÁ THIỆT HẠI VỀ NGƯỜI

Chỉ tiêu thiệt hại về người bao gồm: số người chết; số người mất tích; số người bị thương.

1. Số người chết

a) Khái niệm

Người chết do thiên tai là người đang sinh sống hoặc có mặt tại địa bàn xảy ra thiên tai, bị tử vong do nguyên nhân trực tiếp từ tác động của thiên tai hoặc trong quá trình thực hiện hoạt động ứng phó, sơ tán, cứu hộ, cứu nạn mà nguyên nhân trực tiếp dẫn đến tử vong do thiên tai gây ra; không bao gồm người chết do bệnh tật, tuổi già, tai nạn hoặc nguyên nhân khác không có mối quan hệ trực tiếp do thiên tai gây ra.

b) Tiêu chí xác định

Việc xác định người chết do thiên tai phải căn cứ vào nguyên nhân tử vong và mối quan hệ trực tiếp do thiên tai với nguyên nhân tử vong. Trường hợp tử

vong do bệnh tật, tai nạn hoặc nguyên nhân khác không có mối quan hệ trực tiếp với thiên tai thì không thống kê là người chết do thiên tai:

- Người chết phải ở trong khu vực có thiên tai xảy ra.

- Nguyên nhân dẫn đến tử vong phải có căn cứ xác định tác động trực tiếp của thiên tai như: bị lũ cuốn trôi, bị đất đá sạt lở, vùi lấp, bị sét đánh tử vong, bị cây đổ do bão, lũ, mưa lớn hoặc trong quá trình ứng phó, sơ tán cứu hộ, cứu nạn mà nguyên nhân trực tiếp dẫn đến tử vong do thiên tai gây ra.

- Trường hợp người bị thương do thiên tai sau đó tử vong do chính thương tích trực tiếp do thiên tai gây ra thì cập nhật từ chỉ tiêu người bị thương sang chỉ tiêu người chết trực tiếp do thiên tai, không thống kê đồng thời ở hai chỉ tiêu.

c) Phân nhóm theo chỉ tiêu: Thống kê theo các nhóm đối tượng gồm trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật, đối tượng dễ bị tổn thương khác (theo quy định của Luật Phòng, chống thiên tai) và các đối tượng khác.

d) Phương pháp xác định: Đếm, thống kê và ghi vào biểu mẫu.

2. Số người mất tích

a) Khái niệm

Người mất tích do thiên tai là người đang sinh sống hoặc có mặt tại địa bàn xảy ra thiên tai, bị mất liên lạc, không xác định được tung tích do tác động trực tiếp của thiên tai hoặc trong quá trình thực hiện các hoạt động ứng phó, sơ tán, cứu hộ, cứu nạn liên quan trực tiếp đến thiên tai, có căn cứ xác định người đó có khả năng đã bị thiên tai cuốn trôi, vùi lấp, mắc kẹt hoặc bị cô lập và chưa có thông tin xác định còn sống hoặc đã chết.

b) Tiêu chí xác định

Một người được thống kê là mất tích do thiên tai trực tiếp gây ra khi:

- Có thông tin xác định người đó có mặt tại khu vực xảy ra thiên tai hoặc đang thực hiện hoạt động có liên quan đến ứng phó, phòng tránh, cứu hộ, cứu nạn khi thiên tai xảy ra.

- Sau khi xảy ra thiên tai, người đó mất liên lạc hoặc không xác định được nơi đang ở.

- Có căn cứ cho thấy việc mất tích có mối quan hệ trực tiếp với tác động của thiên tai, như bị lũ cuốn trôi, sạt lở đất, lũ quét, sóng cuốn, công trình bị sập, hoặc các tác động trực tiếp khác từ thiên tai.

- Chưa có căn cứ xác định người đó đã chết hoặc đã trở về, được tìm thấy và xác định an toàn.

c) Phân nhóm theo chỉ tiêu: Thống kê theo các nhóm đối tượng gồm trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật, đối tượng dễ bị tổn thương khác (theo quy định của Luật Phòng, chống thiên tai) và các đối tượng khác.

d) Phương pháp xác định: Đếm, thống kê và ghi vào biểu mẫu. Trường hợp người mất tích được tìm thấy hoặc được cơ quan có thẩm quyền xác nhận đã tử vong thì cập nhật, điều chỉnh số liệu vào chỉ tiêu người chết.

3. Số người bị thương

a) Khái niệm

Người bị thương do thiên tai là người bị tác động trực tiếp của thiên tai hoặc trong quá trình thực hiện các hoạt động ứng phó, sơ tán, cứu hộ, cứu nạn liên quan trực tiếp đến thiên tai, dẫn đến tổn thương về thể chất, gồm người phải chuyển cơ sở khám chữa bệnh để điều trị và người không phải chuyển đến cơ sở khám chữa bệnh. Các trường hợp bị ảnh hưởng về tâm lý, tinh thần nhưng không có tổn thương về thể chất hoặc không phải điều trị y tế thì không thống kê là người bị thương do thiên tai.

b) Tiêu chí xác định người bị thương do thiên tai

- Có tổn thương thể chất phát sinh trực tiếp do tác động của thiên tai.

- Có tổn thương cần được khám, cấp cứu, xử lý hoặc điều trị tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

- Có tổn thương được sơ cứu, xử lý tại hiện trường nhưng không phải chuyển đến cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

- Có thông tin hoặc báo cáo xác nhận việc người bị thương đã được tiếp nhận, khám, cấp cứu, xử lý hoặc điều trị tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

c) Phân nhóm theo chỉ tiêu: Thống kê theo các nhóm đối tượng gồm trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật, đối tượng dễ bị tổn thương khác (theo quy định của Luật Phòng, chống thiên tai) và các đối tượng khác.

d) Phương pháp xác định: Đếm, thống kê và ghi vào biểu mẫu.

C. BIỂU MẪU SỐ 02: BẢNG TỔNG HỢP THỐNG KÊ, ĐÁNH GIÁ THIỆT HẠI VỀ TÀI SẢN, CƠ SỞ HẠ TẦNG, MÔI TRƯỜNG VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ - XÃ HỘI KHÁC

I. CHỈ TIÊU THIỆT HẠI VỀ NHÀ Ở

1. Khái niệm

a) Nhà ở bị thiệt hại do thiên tai là nhà ở bị thiên tai tác động trực tiếp làm hư hỏng, đổ, sập, cuốn trôi hoặc mất một phần kết cấu, dẫn đến mất hoàn toàn hoặc suy giảm khả năng sử dụng của nhà ở so với trước khi thiên tai xảy ra.

b) Nhà ở là công trình xây dựng với mục đích để ở và phục vụ nhu cầu sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân, không phân biệt chủ sở hữu hoặc hình thức sở hữu, hiện có tại thời điểm xảy ra thiên tai.

c) Nhà ở có kết cấu bền chắc là nhà có cả 3 kết cấu chính (nền - móng, khung - tường, mái) đều được làm bằng vật liệu bền chắc.

d) Nhà ở có kết cấu không bền chắc là nhà ở có ít nhất hai trong ba kết cấu chính nêu trên được làm bằng vật liệu không bền chắc, không bảo đảm an toàn cho người sử dụng.

đ) Vật liệu bền chắc gồm bê tông cốt thép, gạch, đá, sắt, thép, gỗ bền chắc.

2. Chỉ tiêu thống kê

a) Số nhà bị thiệt hại.

b) Số nhà bị tốc mái, hư hỏng mái.

c) Số nhà bị ngập nước.

d) Số nhà bị đất, đá vùi lấp, sạt lở.

đ) Số công trình phụ trợ thuộc nhà ở bị thiệt hại.

e) Các thiệt hại khác về nhà ở.

3. Tiêu chí xác định

Nhà ở được thống kê là bị thiệt hại do thiên tai khi:

- Có trước thời điểm xảy ra thiên tai.

- Bị tác động trực tiếp bởi thiên tai.

- Có các bộ phận hoặc kết cấu bị hư hỏng, phá hủy, mất mát do thiên tai gây ra.

- Thiệt hại được xác định thông qua kiểm đếm, kiểm tra thực tế, báo cáo của chính quyền địa phương hoặc hồ sơ, tài liệu có liên quan.

- Một nhà bị thiệt hại do nhiều loại hình thiên tai trong cùng một đợt thiên tai chỉ thống kê một lần.

- Số liệu thiệt hại được rà soát, cập nhật khi kết thúc thiên tai hoặc có kết quả kiểm tra, xác minh cụ thể.

4. Mức độ thiệt hại

a) Nhà bị thiệt hại hoàn toàn: Là nhà bị tác động trực tiếp bởi thiên tai làm hư hỏng, đổ, sập, cuốn trôi trên 70% về khối lượng, giá trị các cấu kiện, bộ phận chính của nhà, không bảo đảm an toàn để tiếp tục sử dụng và phải xây dựng lại.

b) Nhà bị thiệt hại nặng: Là nhà ở bị tác động trực tiếp bởi thiên tai làm hư hỏng, đổ, sập, cuốn trôi từ 30% đến 70% về khối lượng, giá trị các cấu kiện, bộ phận chính của nhà, không bảo đảm an toàn để tiếp tục sử dụng và phải sửa chữa lớn.

c) Nhà bị thiệt hại một phần: Là nhà ở bị tác động trực tiếp bởi thiên tai, làm hư hỏng dưới 30% về khối lượng, giá trị các cấu kiện, bộ phận chính của nhà nhưng vẫn có khả năng sửa chữa để tiếp tục sử dụng làm nhà ở.

d) Nhà bị tốc mái, hư hỏng mái: Là nhà hư hỏng một phần hoặc toàn bộ mái do thiên tai nhưng không thuộc các trường hợp tại điểm a, b, c khoản này.

đ) Nhà bị ngập nước: Là nhà ở bị nước ngập do mưa, lũ, bão, nước biển dâng hoặc các hình thái thiên tai khác, làm ngập một phần hoặc toàn bộ ngôi nhà.

Mức ngập được xác định theo chiều cao mực nước ngập lớn nhất so với nền tầng một (hoặc nền nhà chính) của ngôi nhà tại thời điểm xảy ra thiên tai.

Nhà bị ngập nước được phân thành các mức ngập:

- Mức ngập từ 0,2m đến 1m.

- Mức ngập từ trên 1m đến 3m.

- Mức ngập từ trên 3m trở lên.

5. Phương pháp ước tính thiệt hại đối với nhà ở

- Giá trị thiệt hại về nhà ở được ước tính bằng tiền trên cơ sở số lượng, mức độ thiệt hại, diện tích, bộ phận, kết cấu bị thiệt hại và giá trị của nhà ở ngay trước thời điểm xảy ra thiên tai:

Trường hợp có quy định, định mức, đơn giá hoặc phương pháp xác định giá trị do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành thì áp dụng theo quy định đó.

Trường hợp chưa có quy định, định mức, đơn giá hoặc phương pháp xác định giá trị phù hợp thì căn cứ vào suất vốn đầu tư xây dựng, đơn giá xây dựng, giá xây dựng tổng hợp bộ phận kết cấu công trình được cơ quan có thẩm quyền công bố và mặt bằng giá xây dựng phổ biến tại địa phương tại thời điểm xảy ra thiên tai để ước tính thiệt hại.

- Giá trị thiệt hại đối với tài sản, vật dụng sinh hoạt trong nhà ở được xác định thành chỉ tiêu riêng, không tính gộp vào giá trị thiệt hại của nhà ở.

- Chi phí hỗ trợ, cứu trợ, sửa chữa, khắc phục, xây dựng lại, di dời, bố trí chỗ ở tạm thời và các khoản chi phí khác phát sinh sau thiên tai không được cộng vào giá trị thiệt hại của nhà ở.

- Việc ước tính thiệt hại phải bảo đảm mỗi thiệt hại chỉ được tính một lần, không cộng dồn hoặc tính trùng giữa các chỉ tiêu, đối tượng và lĩnh vực có liên quan.

II. CHỈ TIÊU THIỆT HẠI VỀ TÀI SẢN

1. Khái niệm

Thiệt hại đối với tài sản, phương tiện ô tô, xe máy và vật dụng sinh hoạt trong nhà do thiên tai là những hư hỏng về tài sản thuộc sở hữu hoặc đang được quản lý, sử dụng hợp pháp của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân do tác động trực tiếp của thiên tai gây ra, làm tài sản bị mất, cuốn trôi, vùi lấp, phá hủy hoặc hư hỏng, ảnh hưởng đến khả năng sử dụng hoặc giá trị của tài sản.

2. Chỉ tiêu thống kê

a) Số lượng ô tô bị thiệt hại.

b) Số lượng xe máy bị thiệt hại.

c) Số lượng phương tiện khác bị thiệt hại.

d) Số lượng vật dụng sinh hoạt trong nhà bị thiệt hại (bao gồm các vật dụng thiết yếu như tivi, tủ lạnh, máy giặt và các vật dụng sinh hoạt khác).

Tùy theo yêu cầu thống kê, các chỉ tiêu trên được phân loại theo mức độ thiệt hại và loại tài sản, phương tiện, vật dụng bị hư hỏng.

3. Tiêu chí xác định

Tài sản, phương tiện ô tô, xe máy và vật dụng sinh hoạt trong nhà được xác định là bị thiệt hại do thiên tai khi đáp ứng các tiêu chí sau:

- Tài sản, phương tiện, vật dụng có trước thời điểm xảy ra thiên tai và thuộc quyền sở hữu, quản lý hoặc sử dụng của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân.

- Bị mất, cuốn trôi, vùi lấp, phá hủy hoặc hư hỏng do tác động trực tiếp của thiên tai.

- Có thể xác định được tài sản, phương tiện, vật dụng bị ảnh hưởng và mức độ thiệt hại thông qua kiểm tra thực tế, xác nhận của chủ sở hữu, người quản lý, sử dụng hoặc các nguồn thông tin, hồ sơ có liên quan.

- Không thống kê là thiệt hại do thiên tai đối với tài sản, phương tiện, vật dụng bị mất, hư hỏng do nguyên nhân không liên quan trực tiếp đến thiên tai.

- Trường hợp tài sản, phương tiện, vật dụng bị thiệt hại do nhiều loại hình thiên tai trong cùng một đợt thiên tai thì chỉ thống kê một lần.

4. Mức độ thiệt hại

a) Đối với ô tô, xe máy: Mức độ thiệt hại được xác định trên cơ sở tình trạng thực tế của phương tiện, mức độ hư hỏng của các bộ phận chính và khả năng tiếp tục sử dụng của phương tiện.

b) Đối với vật dụng sinh hoạt trong nhà, mức độ thiệt hại được xác định theo tình trạng thực tế của từng loại vật dụng, khả năng sử dụng và khả năng sửa chữa, phục hồi để sử dụng.

c) Trường hợp một tài sản, phương tiện hoặc vật dụng bị hư hỏng ở nhiều bộ phận thì xác định một mức độ thiệt hại chung cho tài sản đó, không thống kê trùng lặp theo từng bộ phận.

5. Phương pháp ước tính thiệt hại đối với tài sản

Giá trị thiệt hại đối với tài sản, phương tiện và vật dụng sinh hoạt được ước tính bằng tiền trên cơ sở số lượng, mức độ thiệt hại và giá trị của tài sản ngay trước thời điểm xảy ra thiên tai. Đối với tài sản bị thiệt hại một phần, giá trị thiệt hại được xác định theo giá trị phần tài sản bị hư hỏng và chi phí hợp lý để khôi phục về trạng thái trước khi xảy ra thiên tai, phù hợp với tình trạng và giá trị còn lại của tài sản.

III. CHỈ TIÊU THIỆT HẠI VỀ GIÁO DỤC

1. Khái niệm

Thiệt hại về giáo dục do thiên tai là những hư hỏng đối với cơ sở vật chất, công trình, thiết bị, đồ dùng dạy học, sách, tài liệu và các tài sản khác phục vụ

hoạt động giáo dục do tác động trực tiếp của thiên tai gây ra, làm hư hỏng, phá hủy, mất mát hoặc ảnh hưởng đến khả năng sử dụng, khai thác phục vụ hoạt động giáo dục.

2. Chỉ tiêu thống kê

a) Số điểm/trường bị ảnh hưởng.

b) Số phòng học bị thiệt hại.

c) Số phòng học bị ngập nước.

d) Số phòng học bị đất đá vùi lấp.

đ) Số phòng chức năng, phòng phục vụ học tập và các công trình phụ trợ phục vụ hoạt động giáo dục bị thiệt hại.

e) Số thiết bị, đồ dùng dạy học, tài liệu phục vụ học tập và dạy học bị thiệt hại;

g) Các thiệt hại về giáo dục khác.

3. Tiêu chí xác định

Cơ sở giáo dục, phòng học, phòng chức năng, công trình phụ trợ, thiết bị, đồ dùng dạy học, sách, tài liệu và tài sản phục vụ hoạt động giáo dục được xác định là bị thiệt hại do thiên tai khi có các tiêu chí sau:

a) Có trước thời điểm xảy ra thiên tai và đang được sử dụng, quản lý hoặc phục vụ hoạt động giáo dục.

b) Bị hư hỏng, phá hủy, mất, cuốn trôi, vùi lấp hoặc bị ảnh hưởng trực tiếp bởi thiên tai.

c) Có căn cứ xác định thiệt hại thông qua kiểm tra, đánh giá thực tế hoặc hồ sơ, tài liệu, báo cáo của cơ sở giáo dục và cơ quan có thẩm quyền.

d) Thiệt hại làm giảm hoặc mất khả năng sử dụng của cơ sở vật chất, thiết bị, đồ dùng, sách, tài liệu hoặc tài sản phục vụ hoạt động giáo dục.

Không thống kê là thiệt hại do thiên tai đối với những tài sản bị hư hỏng, mất mát do nguyên nhân không trực tiếp liên quan đến thiên tai.

4. Mức độ thiệt hại

a) Đối với cơ sở giáo dục, phòng học, phòng chức năng và công trình phụ trợ:

- Thiệt hại hoàn toàn (trên 70%): Công trình bị sập, đổ, cuốn trôi, cháy hoặc hư hỏng đến mức không còn khả năng sử dụng và phải xây dựng lại hoặc thay thế.

- Thiệt hại nặng (từ 30% đến 70%): Công trình bị hư hỏng nghiêm trọng, không bảo đảm an toàn hoặc không thể tiếp tục sử dụng bình thường nếu chưa được sửa chữa, khắc phục lớn.

- Thiệt hại một phần (dưới 30%): Công trình bị hư hỏng một phần nhưng vẫn còn khả năng sử dụng hoặc có thể đưa vào sử dụng sau khi sửa chữa, khắc phục.

b) Đối với thiết bị, đồ dùng dạy học, sách, tài liệu và tài sản khác

- Thiệt hại hoàn toàn: Bị mất, cuốn trôi, vùi lấp, phá hủy hoặc hư hỏng không còn khả năng sử dụng.

- Thiệt hại nặng: Bị hư hỏng nghiêm trọng, không thể sử dụng bình thường và cần sửa chữa lớn hoặc thay thế nhiều bộ phận mới có thể tiếp tục sử dụng.

- Thiệt hại một phần: Bị hư hỏng nhưng vẫn còn khả năng sử dụng hoặc có thể khôi phục bằng sửa chữa, thay thế một hoặc một số bộ phận.

Trường hợp một đối tượng bị thiệt hại ở nhiều bộ phận thì xác định một mức độ thiệt hại chung cho đối tượng đó, không thống kê trùng lặp theo từng bộ phận.

5. Phương pháp ước tính thiệt hại

Giá trị thiệt hại về giáo dục được ước tính bằng tiền trên cơ sở số lượng, mức độ thiệt hại và giá trị của công trình, tài sản, thiết bị, sách, tài liệu ngay trước thời điểm xảy ra thiên tai:

- Đối với cơ sở giáo dục, phòng học, phòng chức năng và công trình phụ trợ bị thiệt hại, giá trị thiệt hại được xác định trên cơ sở giá trị phần công trình bị hư hỏng, phá hủy và mức độ thiệt hại thực tế; trường hợp phải xây dựng lại thì căn cứ giá trị công trình ngay trước thời điểm xảy ra thiên tai để xác định giá trị thiệt hại, không lấy toàn bộ chi phí xây dựng mới làm giá trị thiệt hại:

Đối với các đối tượng đã có định mức, đơn giá, suất vốn đầu tư hoặc phương pháp xác định giá trị do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành thì áp dụng theo quy định đó.

Trường hợp chưa có định mức, đơn giá hoặc phương pháp xác định giá trị phù hợp thì căn cứ vào giá thị trường tại địa phương và thời điểm xảy ra thiên tai, hồ sơ, sổ sách kế toán, giá trị còn lại của tài sản và các thông tin, dữ liệu có liên quan để ước tính.

- Đối với thiết bị, đồ dùng dạy học, sách, tài liệu và tài sản khác bị thiệt hại, giá trị thiệt hại được xác định trên cơ sở giá trị của tài sản ngay trước thời điểm xảy ra thiên tai và mức độ thiệt hại.

- Chi phí sửa chữa, khắc phục, xây dựng lại, mua sắm thay thế và các khoản chi hỗ trợ sau thiên tai không cộng đồng thời vào giá trị thiệt hại của tài sản để tránh trùng lặp.

- Việc ước tính thiệt hại phải bảo đảm mỗi thiệt hại chỉ được tính một lần, không cộng dồn hoặc tính trùng giữa cơ sở giáo dục, công trình, thiết bị, tài sản và các chỉ tiêu khác.

IV. CHỈ TIÊU THIỆT HẠI VỀ Y TẾ

1. Khái niệm

Thiệt hại về y tế do thiên tai là những hư hỏng đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, cơ sở y tế, công trình, thiết bị, máy móc, thuốc, vật tư y tế và các tài sản

khác phục vụ hoạt động y tế do tác động trực tiếp của thiên tai gây ra, làm hư hỏng, phá hủy, mất mát hoặc ảnh hưởng đến khả năng hoạt động, sử dụng của cơ sở y tế.

2. Chỉ tiêu thống kê

a) Số cơ sở y tế phải tạm dừng hoặc gián đoạn hoạt động do thiên tai.

b) Số công trình, nhà, phòng thuộc cơ sở y tế bị thiệt hại.

c) Số thiết bị, máy móc y tế bị thiệt hại.

d) Số lượng thuốc, hóa chất, vật tư y tế bị thiệt hại.

đ) Số phương tiện phục vụ hoạt động y tế bị thiệt hại.

e) Số tài sản khác phục vụ hoạt động y tế bị thiệt hại.

g) Các thiệt hại về y tế khác.

3. Tiêu chí xác định

Cơ sở y tế, công trình, thiết bị, máy móc, thuốc, vật tư y tế, phương tiện và tài sản phục vụ hoạt động y tế được xác định là bị thiệt hại do thiên tai khi:

a) Có trước thời điểm xảy ra thiên tai và đang được quản lý, sử dụng hoặc phục vụ hoạt động y tế.

b) Bị hư hỏng, phá hủy, mất, cuốn trôi, vùi lấp hoặc bị ảnh hưởng trực tiếp bởi thiên tai.

c) Có căn cứ xác định thiệt hại thông qua kiểm tra, đánh giá thực tế, kiểm kê hoặc hồ sơ, tài liệu có liên quan.

d) Thiệt hại làm giảm hoặc mất khả năng sử dụng, khai thác hoặc phục vụ hoạt động y tế.

Đối với thuốc, hóa chất, vật tư y tế, ngoài các tiêu chí trên, được xác định là thiệt hại khi bị hư hỏng, nhiễm bẩn, biến đổi chất lượng, quá hạn hoặc không còn bảo đảm điều kiện sử dụng do tác động trực tiếp của thiên tai.

4. Mức độ thiệt hại

a) Thiệt hại hoàn toàn (trên 70%): Đối tượng bị mất, cuốn trôi, phá hủy hoặc hư hỏng không còn khả năng sử dụng; đối với thuốc, hóa chất, vật tư y tế là trường hợp không còn bảo đảm điều kiện, tiêu chuẩn để sử dụng.

b) Thiệt hại nặng (từ 30% đến 70%): Đối tượng bị hư hỏng nghiêm trọng, không thể sử dụng bình thường và cần sửa chữa lớn, thay thế nhiều bộ phận hoặc thực hiện biện pháp phục hồi mới có thể tiếp tục sử dụng.

c) Thiệt hại một phần (dưới 30%): Đối tượng bị hư hỏng một phần nhưng vẫn còn khả năng sử dụng hoặc có thể khôi phục bằng sửa chữa, xử lý hoặc thay thế một hoặc một số bộ phận.

Đối với cơ sở y tế, trường hợp cơ sở vẫn còn khả năng hoạt động nhưng phải giảm công suất hoặc tạm thời ngừng sử dụng một phần diện tích, phòng, khoa do

thiệt hại thì thống kê theo phần công trình bị thiệt hại, không xác định toàn bộ cơ sở là bị thiệt hại hoàn toàn.

5. Phương pháp ước tính thiệt hại

Giá trị thiệt hại về y tế được ước tính bằng tiền trên cơ sở số lượng, mức độ thiệt hại và giá trị của công trình, tài sản, thiết bị, thuốc, vật tư và phương tiện ngay trước thời điểm xảy ra thiên tai.

- Đối với công trình, nhà, phòng thuộc cơ sở y tế, giá trị thiệt hại được xác định trên cơ sở giá trị phần công trình bị hư hỏng, phá hủy và mức độ thiệt hại thực tế: Trường hợp có quy định, định mức, đơn giá hoặc phương pháp xác định giá trị do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành thì áp dụng theo quy định đó; Trường hợp chưa có quy định, định mức, đơn giá hoặc phương pháp xác định giá trị phù hợp thì căn cứ vào suất vốn đầu tư xây dựng, đơn giá xây dựng, giá xây dựng tổng hợp bộ phận kết cấu công trình được cơ quan có thẩm quyền công bố và mặt bằng giá xây dựng phổ biến tại địa phương tại thời điểm xảy ra thiên tai để ước tính thiệt hại.

- Đối với thiết bị, máy móc, phương tiện và tài sản khác, giá trị thiệt hại được xác định trên cơ sở giá trị còn lại của tài sản ngay trước thời điểm xảy ra thiên tai và mức độ thiệt hại.

- Đối với thuốc, hóa chất, vật tư y tế bị thiệt hại, giá trị thiệt hại được xác định theo giá trị thực tế của số lượng bị mất, hư hỏng hoặc không còn đủ điều kiện sử dụng tại thời điểm xảy ra thiên tai: Trường hợp có định mức, đơn giá, phương pháp xác định giá trị do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành thì áp dụng theo quy định đó. Trường hợp chưa có quy định phù hợp thì căn cứ hồ sơ, sổ sách kế toán, giá mua, giá thị trường tại địa phương và các thông tin, dữ liệu có liên quan để ước tính.

Việc ước tính thiệt hại phải bảo đảm mỗi thiệt hại chỉ được tính một lần và không trùng lặp với các chỉ tiêu khác.

V. CHỈ TIÊU THIỆT HẠI VỀ VĂN HÓA, DI TÍCH LỊCH SỬ VĂN HÓA

1. Khái niệm

Thiệt hại về văn hóa, di tích lịch sử - văn hóa do thiên tai là những hư hỏng đối với công trình di tích lịch sử - văn hóa, công trình văn hóa, danh lam thắng cảnh và các tài sản phục vụ hoạt động văn hóa do tác động trực tiếp của thiên tai gây ra, làm hư hỏng, phá hủy, mất mát hoặc ảnh hưởng đến khả năng bảo tồn, sử dụng và phát huy giá trị văn hóa.

2. Chỉ tiêu thống kê

a) Số di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh bị thiệt hại.

b) Số công trình, hạng mục thuộc di tích bị thiệt hại.

c) Số hiện vật, cổ vật, bảo vật, tài liệu, tư liệu có giá trị văn hóa, lịch sử bị thiệt hại.

d) Số công trình văn hóa bị thiệt hại.

đ) Số trang thiết bị, tài sản phục vụ hoạt động văn hóa bị thiệt hại.

e) Các thiệt hại khác về văn hóa, di tích lịch sử văn hóa.

3. Tiêu chí xác định

Di tích, công trình, hạng mục, hiện vật, tài liệu, tư liệu và tài sản văn hóa được xác định là bị thiệt hại do thiên tai khi:

a) Có trước thời điểm xảy ra thiên tai và đang được quản lý, bảo vệ hoặc sử dụng.

b) Bị hư hỏng, phá hủy, mất, cuốn trôi, vùi lấp hoặc bị tác động trực tiếp bởi thiên tai.

c) Thiệt hại làm ảnh hưởng đến tính nguyên trạng, cấu trúc, vật liệu, giá trị kiến trúc, lịch sử, văn hóa, nghệ thuật hoặc khả năng bảo tồn, sử dụng của đối tượng.

d) Có căn cứ xác định thiệt hại thông qua kiểm tra, đánh giá thực tế, hồ sơ quản lý di tích, kiểm kê hiện vật hoặc các tài liệu, thông tin chính thức có liên quan.

Đối với di tích có nhiều công trình, hạng mục hoặc hiện vật bị thiệt hại, thống kê riêng từng đối tượng bị thiệt hại và đồng thời tổng hợp theo di tích; không tính trùng một thiệt hại ở cả cấp công trình và cấp di tích.

4. Mức độ thiệt hại

a) Thiệt hại hoàn toàn: Đối tượng bị phá hủy, sập, đổ, cuốn trôi, mất hoặc hư hỏng đến mức không còn khả năng bảo tồn, sử dụng hoặc phục hồi bằng các biện pháp bảo quản, tu bổ thông thường.

b) Thiệt hại nặng: Đối tượng bị hư hỏng nghiêm trọng, ảnh hưởng đến cấu trúc, tính ổn định, tính nguyên trạng hoặc các giá trị quan trọng của đối tượng và cần thực hiện tu bổ, phục hồi hoặc biện pháp bảo tồn lớn.

c) Thiệt hại một phần: Đối tượng bị hư hỏng một phần, chưa làm mất hoặc ảnh hưởng nghiêm trọng đến tổng thể giá trị của đối tượng và có thể khắc phục bằng biện pháp bảo quản, sửa chữa hoặc tu bổ phù hợp.

5. Phương pháp ước tính thiệt hại

Giá trị thiệt hại về văn hóa được ước tính trên cơ sở giá trị phần công trình, hạng mục, tài sản bị hư hỏng, phá hủy hoặc mất và mức độ thiệt hại thực tế:

- Đối với công trình, hạng mục thuộc di tích và công trình văn hóa, giá trị thiệt hại được xác định trên cơ sở giá trị phần công trình bị thiệt hại: Trường hợp có quy định, định mức, đơn giá hoặc phương pháp xác định giá trị do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành thì áp dụng theo quy định đó; Trường hợp chưa có quy định, định mức, đơn giá hoặc phương pháp xác định giá trị phù hợp thì căn

cứ vào suất vốn đầu tư xây dựng, đơn giá xây dựng, giá xây dựng tổng hợp bộ phận kết cấu công trình được cơ quan có thẩm quyền công bố và mặt bằng giá xây dựng phổ biến tại địa phương tại thời điểm xảy ra thiên tai để ước tính thiệt hại.

- Đối với thiết bị, tài sản phục vụ hoạt động văn hóa, giá trị thiệt hại được xác định trên cơ sở giá trị còn lại của tài sản ngay trước thời điểm xảy ra thiên tai và mức độ thiệt hại.

- Đối với hiện vật, cổ vật, bảo vật, tài liệu, tư liệu bị mất hoặc hư hỏng, giá trị thiệt hại được xác định theo hồ sơ quản lý, kiểm kê, giá trị bảo hiểm, giá trị ghi nhận trong hồ sơ tài sản hoặc phương pháp định giá phù hợp theo quy định của pháp luật. Trường hợp không thể xác định đầy đủ giá trị bằng tiền thì vẫn phải thống kê đầy đủ số lượng và mức độ thiệt hại, không ước tính thiệt hại bằng tiền.

Việc ước tính thiệt hại phải bảo đảm mỗi thiệt hại chỉ được tính một lần, không trùng lặp giữa di tích, công trình, hạng mục, hiện vật và các tài sản khác.

VI. CHỈ TIÊU THIỆT HẠI VỀ CÔNG TRÌNH THỦY LỢI

1. Khái niệm

Thiệt hại về công trình thủy lợi do thiên tai là những hư hỏng đối với công trình thủy lợi và tài sản phục vụ quản lý, khai thác công trình thủy lợi do tác động trực tiếp của thiên tai gây ra, làm hư hỏng, phá hủy hoặc ảnh hưởng đến khả năng tưới, tiêu, cấp nước, kiểm soát nguồn nước và vận hành công trình.

2. Chỉ tiêu thống kê

a) Số đập, hồ chứa bị sự cố, hư hỏng.

b) Số trạm bơm bị ngập, hư hỏng, dừng hoạt động.

c) Kênh mương bị sạt lở, hư hỏng, bồi lấp.

d) Khối lượng đất đá, bùn bồi lấp kênh mương.

đ) Công trình ngăn mặn, giữ ngọt, tạo nguồn, chống ngập bị sự cố, hư hỏng.

e) Công trình, hạng mục phụ trợ thuộc hệ thống công trình thủy lợi bị hư hỏng, sự cố.

g) Số máy móc, thiết bị phục vụ quản lý, khai thác công trình thủy lợi bị thiệt hại.

h) Thiệt hại khác đối với công trình thủy lợi.

3. Tiêu chí xác định

Công trình, hạng mục công trình thủy lợi, máy móc, thiết bị phục vụ quản lý, khai thác công trình thủy lợi được xác định là bị thiệt hại do thiên tai khi:

a) Có trước thời điểm xảy ra thiên tai và đang được quản lý, sử dụng hoặc phục vụ hoạt động thủy lợi.

b) Bị hư hỏng, phá hủy, mất, cuốn trôi, vùi lấp hoặc bị ảnh hưởng trực tiếp bởi thiên tai.

c) Có căn cứ xác định thiệt hại thông qua kiểm tra, đánh giá thực tế, kiểm kê hoặc hồ sơ, tài liệu có liên quan.

d) Thiệt hại làm sạt lở, vỡ, tràn, bồi lấp, xói lở, sụt lún, hư hỏng hoặc phá hủy do tác động trực tiếp của thiên tai và làm ảnh hưởng đến khả năng vận hành, khai thác hoặc bảo đảm an toàn công trình.

Đối với hồ chứa, đập và công trình có nguy cơ mất an toàn nhưng chưa xảy ra hư hỏng, thiệt hại thì không thống kê và đánh giá thiệt hại vật chất.

4. Mức độ thiệt hại

Mức độ thiệt hại đối với công trình thủy lợi xác định dựa trên các sự cố về công trình thủy lợi bao gồm: Vỡ đập, sạt lở, hư hỏng, biến dạng; sạt lở, hư hỏng kênh mương, trạm bơm, hệ thống tiêu thoát nước và các công trình phụ trợ khác.

5. Phương pháp ước tính thiệt hại

Giá trị thiệt hại được xác định theo khối lượng công trình, bộ phận công trình bị thiệt hại:

- Trường hợp có quy định, định mức, đơn giá hoặc phương pháp xác định giá trị do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành thì áp dụng theo quy định đó.

- Trường hợp chưa có quy định, định mức, đơn giá hoặc phương pháp xác định giá trị phù hợp thì căn cứ vào suất vốn đầu tư xây dựng, đơn giá xây dựng, giá xây dựng tổng hợp bộ phận kết cấu công trình được cơ quan có thẩm quyền công bố và mặt bằng giá xây dựng phổ biến tại địa phương tại thời điểm xảy ra thiên tai để ước tính thiệt hại.

VII. CHỈ TIÊU THIỆT HẠI VỀ CÔNG TRÌNH ĐÊ ĐIỀU VÀ CÔNG TRÌNH PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI

1. Khái niệm

Thiệt hại về đê điều và công trình phòng, chống thiên tai do thiên tai là những hư hỏng đối với hệ thống đê điều, công trình phòng, chống thiên tai, công trình dự báo, cảnh báo, quan trắc giám sát thiên tai và tài sản, trang thiết bị phục vụ phòng, chống thiên tai do tác động trực tiếp của thiên tai gây ra.

2. Chỉ tiêu thống kê

a) Công trình đê điều: Phân theo các loại công trình, hạng mục công trình bao gồm đê từ cấp III đến cấp đặc biệt; đê cấp IV, V; đê bối; đê bao; đê chuyên dùng và các loại đê khác; kè, cống (bọng) và các hạng mục công trình đê điều khác:

- Số lượng đê bị sự cố.

- Chiều dài đê bị sạt trượt.

- Chiều dài đê bị tràn.

- Số lượng mạch đùn, mạch sủi, lỗ rò,…

- Diện tích thẩm lậu.

- Khối lượng đất, đá các loại bị thiệt hại.

- Số công trình, hạng mục công trình phụ trợ trên đê bị sự cố.

- Số máy móc, thiết bị, vật tư, phương tiện phục vụ đê điều bị thiệt hại.

- Thiệt hại khác về đê điều.

- Kè bảo vệ đê bị sạt lở hư hỏng.

- Số cống (bọng) bị cuốn trôi, hư hỏng.

- Các công trình khác thuộc hệ thống đê điều bị sự cố, hư hỏng.

b) Công trình phòng, chống thiên tai

- Chiều dài kè chống sạt lở bờ sông, bờ biển bị hư hỏng, sạt lở, sụt lún.

- Chiều dài bờ biển, bờ sông, suối bị sạt lở.

- Diện tích sạt lở bị mất đất, bồi lấp.

- Khối lượng sạt lở.

- Công trình phòng chống lũ quét bị hư hỏng, sạt lở.

- Công trình dự báo, cảnh báo thiên tai bị hư hỏng, sự cố.

- Máy móc thiết bị, tài sản thuộc các công trình phòng, chống thiên tai bị thiệt hại.

- Số khu neo đậu tránh trú bão bị hư hỏng, sự cố.

- Thiệt hại khác đối với công trình phòng, chống thiên tai.

3. Tiêu chí xác định

Công trình đê điều, phòng chống thiên tai và máy móc, thiết bị, vật tư, phục vụ đê điều và phòng chống thiên tai được xác định bị thiệt hại khi:

a) Có trước thời điểm xảy ra thiên tai và đang được quản lý, sử dụng hoặc phục vụ đê điều và phòng, chống thiên tai.

b) Bị hư hỏng, phá hủy, mất, cuốn trôi, vùi lấp hoặc bị ảnh hưởng trực tiếp bởi thiên tai.

c) Có căn cứ xác định thiệt hại thông qua kiểm tra, đánh giá thực tế, kiểm kê hoặc hồ sơ, tài liệu có liên quan.

d) Thiệt hại làm sạt lở, sụt lún, nứt, vỡ, tràn, cuốn trôi, phá hủy hoặc hư hỏng do tác động trực tiếp của thiên tai và làm ảnh hưởng đến khả năng vận hành, khai thác hoặc bảo đảm an toàn công trình đê điều, phòng, chống thiên tai.

4. Mức độ thiệt hại

Đối với hệ thống đê điều, phải xác định cụ thể vị trí, chiều dài, bộ phận hoặc hạng mục bị thiệt hại và tình trạng ảnh hưởng đến khả năng bảo đảm an toàn đê.

Đối với công trình kè, phải xác định cụ thể vị trí sạt lở, chiều dài sạt, khối lượng sạt lở.

Đối với các công trình phòng, chống thiên tai khác, xác định cụ thể vị trí, bộ phận, kết cấu bị hư hỏng, thiệt hại để thống kê, đánh giá.

5. Phương pháp ước tính thiệt hại

Giá trị thiệt hại được xác định trên cơ sở khối lượng, bộ phận công trình bị thiệt hại:

- Trường hợp có quy định, định mức, đơn giá hoặc phương pháp xác định giá trị do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành thì áp dụng theo quy định đó.

- Trường hợp chưa có quy định, định mức, đơn giá hoặc phương pháp xác định giá trị phù hợp thì căn cứ vào suất vốn đầu tư xây dựng, đơn giá xây dựng, giá xây dựng tổng hợp bộ phận kết cấu công trình được cơ quan có thẩm quyền công bố và mặt bằng giá xây dựng phổ biến tại địa phương tại thời điểm xảy ra thiên tai để ước tính thiệt hại.

VIII. CHỈ TIÊU THIỆT HẠI VỀ GIAO THÔNG

1. Khái niệm

Thiệt hại về giao thông do thiên tai là những hư hỏng đối với kết cấu hạ tầng giao thông, công trình giao thông, phương tiện và các tài sản phục vụ hoạt động giao thông do tác động trực tiếp của thiên tai gây ra, làm hư hỏng, phá hủy, mất hoặc ảnh hưởng đến khả năng khai thác, vận hành giao thông.

2. Chỉ tiêu thống kê

a) Đường quốc lộ, đường cao tốc do Trung ương quản lý gồm:

- Số vị trí/điểm giao thông bị sạt lở.
- Số điểm/vị trí giao thông bị chia cắt, ách tắc chưa thông tuyến.
- Chiều dài tuyến giao thông bị sạt lở.
- Chiều dài tuyến đường bị ngập.
- Khối lượng đất, đá, bê tông, nhựa đường các loại.
- Số cầu, cống, hầm và công trình giao thông khác bị thiệt hại.
- Số thiết bị máy móc, vật tư phục vụ giao thông bị thiệt hại.
- Số công trình phụ trợ giao thông bị hư hỏng, sự cố.

b) Đường quốc lộ do địa phương quản lý

- Số vị trí/điểm giao thông bị sạt lở.
- Số điểm/vị trí giao thông bị chia cắt, ách tắc chưa thông tuyến.
- Chiều dài tuyến giao thông bị sạt lở.
- Chiều dài tuyến đường bị ngập.

- Khối lượng đất, đá, bê tông, nhựa đường các loại.

- Số cầu, cống, hầm và công trình giao thông khác bị thiệt hại.

- Số thiết bị máy móc, vật tư phục vụ giao thông bị thiệt hại.

- Số công trình phụ trợ giao thông bị hư hỏng, sự cố.

c) Đường tỉnh, đường xã, đường khác do địa phương quản lý

- Số vị trí/điểm giao thông bị sạt lở.

- Số điểm/vị trí giao thông bị chia cắt, ách tắc chưa thông tuyến.

- Chiều dài tuyến giao thông bị sạt lở.

- Chiều dài tuyến đường bị ngập.

- Khối lượng đất, đá, bê tông, nhựa đường các loại.

- Số cầu, cống, hầm và công trình giao thông khác bị thiệt hại.

- Số thiết bị máy móc, vật tư phục vụ giao thông bị thiệt hại.

- Số công trình phụ trợ giao thông bị hư hỏng, sự cố.

d) Đường sắt

- Số vị trí/điểm đường sắt bị sạt lở, gián đoạn.

- Chiều dài tuyến đường sắt bị sạt lở, bị ngập.

- Khối lượng đất, đá các loại bị thiệt hại.

- Số cầu, cống bị cuốn trôi, sập đổ, hư hỏng.

- Các thiệt hại khác về đường sắt.

đ) Hàng Hải và đường thủy nội địa

- Số tàu, phương tiện thủy nội địa bị chìm, hư hỏng.

- Số biển báo, báo hiệu và các công trình phụ trợ bị thiệt hại.

- Số bến cảng, bến thủy nội địa, nhà ga, sân bay và công trình phục vụ giao thông khác bị thiệt hại.

- Thiết bị, máy móc, vật tư hàng hải và thủy nội địa bị thiệt hại

e) Hàng không

- Số chuyến bay bị hủy, gián đoạn do thiên tai.

- Số tàu bay, phương tiện chuyên dùng bị hư hỏng.

- Số biển báo, báo hiệu bị trôi, hư hỏng.

- Số thiết bị, máy móc, vật tư hàng không bị thiệt hại

g) Các thiệt hại khác về giao thông

Công trình giao thông phân tổ theo loại đường và cấp quản lý bao gồm: Đường quốc lộ, cao tốc do trung ương quản lý; đường quốc lộ do địa phương quản lý; đường tỉnh, đường xã và đường khác do địa phương quản lý; đường sắt; hàng hải và đường thủy nội địa; hàng không.

3. Tiêu chí xác định

Đối tượng giao thông được xác định bị thiệt hại khi:

a) Có trước thời điểm xảy ra thiên tai và đang được quản lý, khai thác, sử dụng.

b) Bị sạt lở, sụt lún, ngập, cuốn trôi, phá hủy, hư hỏng hoặc bị ảnh hưởng trực tiếp bởi thiên tai.

c) Thiệt hại làm giảm hoặc mất khả năng khai thác, sử dụng, vận hành công trình hoặc phương tiện.

d) Có căn cứ xác định thông qua kiểm đếm, kiểm tra thực tế, hồ sơ quản lý hoặc nguồn thông tin hợp pháp khác.

4. Mức độ thiệt hại

Mức độ thiệt hại đối với công trình giao thông được xác định dựa trên các sự cố về kết cấu hạ tầng giao thông bao gồm: tổng số vị trí đang bị tắc; tổng số vị trí bị ngập, chia cắt, gián đoạn; chiều dài đường bị sạt lở, hư hỏng; khối lượng đất, đá, bê tông bị hư hỏng, cuốn trôi; cầu, cống bị hư hỏng, cuốn trôi; tàu thuyền vận tải bị chìm, hư hỏng; bến cảng, nhà ga, sân bay bị gián đoạn và các công trình phụ trợ khác bị hư hỏng, thiệt hại.

5. Phương pháp ước tính thiệt hại

Giá trị thiệt hại được xác định trên cơ sở khối lượng, phạm vi, mức độ thiệt hại và giá trị công trình ngay trước thời điểm xảy ra thiên tai:

- Trường hợp có quy định, định mức, đơn giá hoặc phương pháp xác định giá trị do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành thì áp dụng theo quy định đó.

- Trường hợp chưa có quy định, định mức, đơn giá hoặc phương pháp xác định giá trị phù hợp thì căn cứ vào suất vốn đầu tư xây dựng, đơn giá xây dựng, giá xây dựng tổng hợp bộ phận kết cấu công trình được cơ quan có thẩm quyền công bố và mặt bằng giá xây dựng phổ biến tại địa phương tại thời điểm xảy ra thiên tai để ước tính thiệt hại.

IX. CHỈ TIÊU THIỆT HẠI VỀ THÔNG TIN LIÊN LẠC

1. Khái niệm

Thiệt hại về thông tin, liên lạc do thiên tai là những hư hỏng đối với mạng lưới, công trình, trạm, thiết bị, phương tiện và cơ sở hạ tầng phục vụ thông tin, liên lạc do tác động trực tiếp của thiên tai gây ra, làm hư hỏng, phá hủy hoặc gián đoạn hoạt động thông tin, liên lạc.

2. Chỉ tiêu thống kê

a) Số trạm BTS bị mất liên lạc.

b) Số tuyến cáp quang truyền dẫn liên tỉnh và nội tỉnh bị đứt.

c) Cột Ăng ten bị gãy, đổ.

d) Cột treo cáp bị gãy, đổ.

đ) Nhà trạm bị thiệt hại.

e) Các thiệt hại về thông tin liên lạc khác.

3. Tiêu chí xác định

Đối tượng thông tin liên lạc bị thiệt hại khi:

a) Có trước thời điểm xảy ra thiên tai và đang được quản lý, sử dụng hoặc phục vụ thông tin liên lạc.

b) Bị đổ, gãy, cuốn trôi, ngập, sạt lở, phá hủy hoặc hư hỏng do thiên tai và dẫn đến mất hoặc gián đoạn khả năng cung cấp dịch vụ thông tin, liên lạc.

c) Có căn cứ xác định thiệt hại thông qua kiểm tra, đánh giá thực tế, kiểm kê hoặc hồ sơ, tài liệu có liên quan.

Việc mất tín hiệu do nguyên nhân kỹ thuật hoặc quá tải mạng không trực tiếp do thiên tai gây ra không được thống kê là thiệt hại do thiên tai.

4. Mức độ thiệt hại

Mức độ thiệt hại đối với công trình thông tin liên lạc được xác định dựa trên các sự cố về kết cấu hạ tầng phục vụ hoạt động bưu chính, viễn thông, truyền dẫn bao gồm: Trạm BTS bị mất liên lạc; nhà trạm bị hư hỏng; cột ăng ten, cột treo cáp bị gãy đổ; tuyến cáp bị đứt và các thiệt hại khác về thông tin liên lạc.

Trường hợp chỉ bị gián đoạn dịch vụ nhưng chưa xác định được thiệt hại vật chất thì thống kê là gián đoạn thông tin, liên lạc, không ước tính thiệt hại đối với việc gián đoạn thông tin liên lạc.

5. Phương pháp ước tính thiệt hại

Giá trị thiệt hại được xác định trên cơ sở khối lượng, phạm vi, mức độ thiệt hại và giá trị công trình, thiết bị ngay trước thời điểm xảy ra thiên tai:

- Trường hợp có quy định, định mức, đơn giá hoặc phương pháp xác định giá trị do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành thì áp dụng theo quy định đó.

- Trường hợp chưa có quy định, định mức, đơn giá hoặc phương pháp xác định giá trị phù hợp thì căn cứ vào suất vốn đầu tư xây dựng, đơn giá xây dựng, giá xây dựng tổng hợp bộ phận kết cấu công trình được cơ quan có thẩm quyền công bố và mặt bằng giá xây dựng phổ biến tại địa phương tại thời điểm xảy ra thiên tai để ước tính thiệt hại.

Chi phí khôi phục dịch vụ hoặc doanh thu bị mất do gián đoạn dịch vụ không tính vào giá trị thiệt hại.

X. CHỈ TIÊU THIỆT HẠI VỀ NĂNG LƯỢNG

1. Khái niệm

Thiệt hại về năng lượng do thiên tai là những hư hỏng đối với công trình,

mạng lưới, đường dây, trạm, thiết bị và tài sản phục vụ sản xuất, truyền tải, phân phối và cung cấp năng lượng do tác động trực tiếp của thiên tai gây ra.

2. Chỉ tiêu thống kê

a) Công trình đập, hồ chứa thủy điện bị thiệt hại

- Số lượng đập/hồ chứa thủy điện bị sự cố.
- Đập chính, đập phụ bị sự cố, hư hỏng.
- Tràn xả lũ bị sự cố, hư hỏng.
- Cửa van xả sâu/xả mặt bị sự cố, hư hỏng.
- Đường hầm dẫn nước bị sự cố, hư hỏng.
- Hạng mục phụ trợ khác bị sự cố, hư hỏng.

b) Trạm biến áp bị hư hỏng, sự cố.

c) Cột điện bị gãy, đổ.

d) Chiều dài đường dây, cáp điện bị thiệt hại.

đ) Số khách hàng bị mất điện.

e) Máy móc, thiết bị điện và thiết bị năng lượng bị thiệt hại.

g) Các thiệt hại khác về năng lượng.

3. Tiêu chí xác định

Công trình, thiết bị năng lượng được xác định bị thiệt hại khi:

a) Có trước thời điểm xảy ra thiên tai và đang được quản lý, sử dụng hoặc phục vụ vận hành, cung cấp năng lượng.

b) Bị sự cố, đổ sập, gãy, ngập, sạt lở, cháy, cuốn trôi, phá hủy hoặc hư hỏng do tác động trực tiếp của thiên tai hoặc mất khả năng vận hành, cung cấp năng lượng.

c) Có căn cứ xác định thiệt hại thông qua kiểm tra, đánh giá thực tế, kiểm kê hoặc hồ sơ, tài liệu có liên quan.

4. Mức độ thiệt hại

Mức độ thiệt hại đối với công trình năng lượng được xác định dựa trên các sự cố về kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất, truyền tải, phân phối và cung cấp năng lượng được thống kê theo hiện trạng sự cố,

Trường hợp chỉ bị gián đoạn cung cấp năng lượng nhưng chưa xác định được thiệt hại vật chất thì chỉ thống kê số liệu, không ước tính thiệt hại đối với việc gián đoạn năng lượng.

5. Phương pháp ước tính thiệt hại

Giá trị thiệt hại được xác định trên cơ sở khối lượng, phạm vi, mức độ thiệt hại và giá trị công trình, thiết bị ngay trước thời điểm xảy ra thiên tai:

- Trường hợp có quy định, định mức, đơn giá hoặc phương pháp xác định giá trị do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành thì áp dụng theo quy định đó.

- Trường hợp chưa có quy định, định mức, đơn giá hoặc phương pháp xác định giá trị phù hợp thì căn cứ vào suất vốn đầu tư xây dựng, đơn giá xây dựng, giá xây dựng tổng hợp bộ phận kết cấu công trình được cơ quan có thẩm quyền công bố và mặt bằng giá xây dựng phổ biến tại địa phương tại thời điểm xảy ra thiên tai để ước tính thiệt hại.

Sản lượng điện, năng lượng bị mất, doanh thu bị giảm hoặc chi phí phát sinh do gián đoạn cung cấp năng lượng được thống kê riêng nếu có yêu cầu, không cộng trùng vào giá trị thiệt hại tài sản.

XI. CHỈ TIÊU THIỆT HẠI VỀ HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP, CỤM CÔNG NGHIỆP

1. Khái niệm

Thiệt hại trong lĩnh vực hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp do thiên tai là thiệt hại trực tiếp do thiên tai gây ra đối với cơ sở sản xuất công nghiệp, nhà xưởng, công trình phụ trợ, máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, sản phẩm và tài sản khác phục vụ hoạt động sản xuất công nghiệp, làm mất, hư hỏng hoặc suy giảm khả năng sử dụng, vận hành của tài sản so với trước khi xảy ra thiên tai.

2. Chỉ tiêu thống kê

a) Nhà xưởng, xí nghiệp, nhà máy, cơ sở sản xuất công nghiệp bị thiệt hại.

b) Công trình phụ trợ phục vụ sản xuất công nghiệp bị thiệt hại.

c) Hạ tầng khu, cụm công nghiệp bị thiệt hại.

d) Dàn khoan, dàn khai thác dầu khí bị hư hỏng, sự cố.

đ) Đường ống dẫn dầu, dẫn khí bị hư hỏng, sự cố.

e) Máy móc thiết bị công nghiệp bị hư hỏng, sự cố.

g) Sản phẩm công nghiệp, than, khoáng sản bị thiệt hại.

h) Các thiệt hại về công trình công nghiệp khác.

3. Tiêu chí xác định

Một cơ sở hoặc tài sản sản xuất công nghiệp được thống kê là bị thiệt hại do thiên tai khi:

a) Có trước thời điểm xảy ra thiên tai.

b) Bị tác động trực tiếp bởi một hoặc nhiều loại hình thiên tai.

c) Có tài sản bị mất, cuốn trôi, vùi lấp, phá hủy, hư hỏng hoặc suy giảm khả năng sử dụng.

d) Thiệt hại được xác định thông qua kiểm đếm, kiểm tra thực tế, hồ sơ tài sản, báo cáo của cơ sở sản xuất hoặc tài liệu có liên quan.

đ) Không thống kê trùng tài sản đã được tính trong nhóm chuyên ngành khác như đường giao thông nội bộ thuộc phạm vi thống kê giao thông; trạm biến áp, đường dây điện thuộc nhóm năng lượng; công trình thủy lợi thuộc nhóm thủy lợi.

e) Đối với cơ sở sản xuất trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp, chỉ thống kê phần tài sản thuộc phạm vi quản lý, sở hữu hoặc sử dụng của cơ sở; tài sản hạ tầng dùng chung của khu công nghiệp, cụm công nghiệp được thống kê theo nhóm hạ tầng tương ứng.

g) Không tính thiệt hại do giảm doanh thu, mất thị trường, mất đơn hàng hoặc các thiệt hại kinh tế gián tiếp vào giá trị thiệt hại tài sản.

4. Mức độ thiệt hại

Mức độ thiệt hại đối với công trình công nghiệp được xác định dựa trên các sự cố về kết cấu hạ tầng công nghiệp và các công trình phụ trợ bao gồm: nhà xưởng, xí nghiệp bị thiệt hại theo các mức thiệt hại hoàn toàn, thiệt hại nặng và thiệt hại một phần.

5. Phương pháp ước tính thiệt hại

Giá trị thiệt hại về công nghiệp được xác định trên cơ sở giá trị của tài sản ngay trước thời điểm xảy ra thiên tai, mức độ và phạm vi thiệt hại thực tế.

- Đối với nhà xưởng, công trình sản xuất, xác định theo khối lượng, bộ phận, hạng mục bị thiệt hại: Trường hợp có quy định, định mức, đơn giá hoặc phương pháp xác định giá trị do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành thì áp dụng theo quy định đó; trường hợp chưa có quy định, định mức, đơn giá hoặc phương pháp xác định giá trị phù hợp thì căn cứ vào suất vốn đầu tư xây dựng, đơn giá xây dựng, giá xây dựng tổng hợp bộ phận kết cấu công trình, thiết bị được cơ quan có thẩm quyền công bố và mặt bằng giá phổ biến tại địa phương tại thời điểm xảy ra thiên tai để ước tính thiệt hại.

- Đối với máy móc, thiết bị: Xác định theo giá trị tài sản ngay trước thiên tai và mức độ thiệt hại.

- Đối với nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, sản phẩm: Xác định theo số lượng thực tế bị mất hoặc hư hỏng và giá trị phù hợp tại thời điểm ngay trước khi xảy ra thiên tai.

XII. CHỈ TIÊU THIỆT HẠI VỀ CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG KHÁC

1. Khái niệm

Thiệt hại về công trình xây dựng khác do thiên tai là thiệt hại trực tiếp do thiên tai gây ra đối với các công trình xây dựng không thuộc các nhóm công trình đã được thống kê riêng trong Thông tư, làm công trình bị sập, đổ, hư hỏng hoặc suy giảm khả năng sử dụng so với trước khi xảy ra thiên tai.

Nhóm này bao gồm các công trình phục vụ dân sinh, hành chính, thương mại, dịch vụ, sản xuất, sinh hoạt cộng đồng và các công trình xây dựng khác không thuộc nhóm chuyên ngành tương ứng.

2. Chỉ tiêu thống kê

a) Công trình xây dựng dân dụng bị thiệt hại.

b) Trung tâm thương mại, dịch vụ, chợ bị thiệt hại.

c) Trụ sở làm việc bị thiệt hại.

d) Tường rào, nhà tạm bị hư hỏng, sập đổ.

đ) Vật liệu xây dựng bị hư hỏng, cuốn trôi.

e) Máy móc, thiết bị bị hư hỏng, cuốn trôi.

g) Các thiệt hại về công trình xây dựng khác.

3. Tiêu chí xác định

Công trình được thống kê là bị thiệt hại do thiên tai khi:

a) Công trình đã tồn tại trước thời điểm xảy ra thiên tai.

b) Bị tác động trực tiếp bởi thiên tai.

c) Có bộ phận, hạng mục hoặc toàn bộ công trình bị mất, sập, đổ, cuốn trôi, vùi lấp hoặc hư hỏng.

d) Thiệt hại làm công trình mất hoặc suy giảm khả năng sử dụng, khai thác so với trước khi xảy ra thiên tai.

đ) Đối với công trình có nhiều hạng mục, chỉ thống kê một lần ở cấp công trình; mức độ thiệt hại của từng hạng mục được sử dụng để xác định mức độ thiệt hại của công trình.

e) Có căn cứ xác định thiệt hại do thiên tai gây ra thông qua kiểm đếm, kiểm tra thực tế, hồ sơ quản lý công trình hoặc nguồn thông tin hợp pháp khác.

4. Mức độ thiệt hại

Mức độ thiệt hại đối với công trình xây dựng khác được xác định theo các mức thiệt hại hoàn toàn, thiệt hại nặng và thiệt hại một phần.

5. Phương pháp ước tính thiệt hại

- Giá trị thiệt hại được xác định trên cơ sở giá trị của công trình ngay trước thời điểm xảy ra thiên tai, kết hợp với khối lượng, phạm vi và mức độ thiệt hại thực tế:

Trường hợp có quy định, định mức, đơn giá hoặc phương pháp xác định giá trị do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành thì áp dụng theo quy định đó.

Trường hợp chưa có quy định, định mức, đơn giá hoặc phương pháp xác định giá trị phù hợp thì căn cứ vào suất vốn đầu tư xây dựng, đơn giá xây dựng, giá

xây dựng tổng hợp bộ phận kết cấu công trình, thiết bị được cơ quan có thẩm quyền công bố và mặt bằng giá phổ biến tại địa phương tại thời điểm xảy ra thiên tai để ước tính thiệt hại.

- Không xác định chi phí đầu tư xây dựng mới của một công trình tương đương làm giá trị thiệt hại đối với công trình đã qua sử dụng.

- Trường hợp không đủ căn cứ xác định giá trị bằng tiền thì thống kê số lượng công trình và mức độ thiệt hại, không ước tính giá trị thiệt hại.

XIII. CHỈ TIÊU THIỆT HẠI VỀ NƯỚC SẠCH

1. Khái niệm

Thiệt hại về nước sạch do thiên tai là thiệt hại trực tiếp do thiên tai gây ra đối với công trình, hệ thống, thiết bị và tài sản phục vụ khai thác, xử lý, lưu trữ và cung cấp nước sạch, làm mất, hư hỏng hoặc suy giảm khả năng khai thác, xử lý, cấp nước so với trước khi xảy ra thiên tai.

2. Chỉ tiêu thống kê

a) Số hộ dân bị thiếu nước sạch, bao gồm số hộ dân nông thôn và số hộ dân đô thị bị thiếu nước sạch.

b) Số xã/phường có vùng dân cư bị thiếu nước sạch.

c) Số công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung.

d) Số công trình cấp nước sạch đô thị.

đ) Số công trình khai thác, công trình xử lý nước, mạng lưới đường ống cung cấp nước sạch, các công trình phụ trợ bị hư hỏng.

e) Các thiệt hại khác về nước sạch.

3. Tiêu chí xác định

Công trình, hệ thống hoặc thiết bị cấp nước sạch được thống kê là bị thiệt hại do thiên tai khi:

a) Đã tồn tại và đang được sử dụng trước thời điểm xảy ra thiên tai.

b) Bị tác động trực tiếp bởi thiên tai.

c) Bị mất, cuốn trôi, vùi lấp, phá hủy hoặc hư hỏng.

d) Làm mất hoặc suy giảm khả năng khai thác nguồn nước, xử lý, lưu trữ hoặc cung cấp nước.

đ) Có căn cứ xác định thiệt hại do thiên tai thông qua kiểm đếm, kiểm tra thực tế, hồ sơ quản lý tài sản hoặc nguồn thông tin hợp pháp khác.

4. Mức độ thiệt hại

Mức độ thiệt hại đối với công trình, hệ thống hoặc thiết bị cấp nước sạch bị thiệt hại theo các mức: thiệt hại hoàn toàn, thiệt hại nặng, thiệt hại một phần.

5. Phương pháp ước tính thiệt hại

Giá trị thiệt hại được xác định trên cơ sở giá trị của công trình, thiết bị ngay trước thời điểm xảy ra thiên tai, kết hợp với khối lượng, phạm vi và mức độ thiệt hại thực tế:

- Trường hợp có quy định, định mức, đơn giá hoặc phương pháp xác định giá trị do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành thì áp dụng theo quy định đó.

- Trường hợp chưa có quy định, định mức, đơn giá hoặc phương pháp xác định giá trị phù hợp thì căn cứ vào suất vốn đầu tư xây dựng, đơn giá xây dựng, giá xây dựng tổng hợp bộ phận kết cấu công trình, thiết bị được cơ quan có thẩm quyền công bố và mặt bằng giá phổ biến tại địa phương tại thời điểm xảy ra thiên tai để ước tính thiệt hại.

XIV. CHỈ TIÊU THIỆT HẠI VỀ MÔI TRƯỜNG

1. Khái niệm

Thiệt hại về môi trường do thiên tai là sự suy giảm hoặc biến đổi bất lợi đối với các thành phần môi trường phát sinh trực tiếp từ thiên tai, làm ảnh hưởng đến chất lượng môi trường, hệ sinh thái, cảnh quan, điều kiện sống của người dân hoặc phát sinh nhu cầu thu gom, xử lý, phục hồi môi trường.

2. Chỉ tiêu thống kê

a) Số cây xanh bị gãy, đổ.

b) Số xã/phường bị ảnh hưởng về môi trường do thiên tai.

c) Số khu dân cư bị ảnh hưởng về môi trường do thiên tai.

d) Khối lượng rác thải, bùn đất cần thu gom, xử lý.

đ) Số sự cố môi trường bị ảnh hưởng (sự cố tràn dầu, rò rỉ hóa chất, vỡ bãi chứa chất thải hoặc các sự cố khác về môi trường do thiên tai,...).

e) Số công trình bảo vệ môi trường bị hư hỏng.

g) Hệ thống thiết bị quan trắc, giám sát tự động tài nguyên nước bị hư hỏng.

h) Mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước bị hư hỏng.

i) Các thiệt hại khác về môi trường.

3. Tiêu chí xác định

- Cây xanh đô thị bị thiệt hại khi bị ảnh hưởng trực tiếp từ thiên tai làm gãy, đổ, bật gốc, chết. Không thống kê đối với những cây bị gãy, đổ không phải do tác động trực tiếp từ thiên tai.

- Xã/phường được thống kê khi trên địa bàn có một hoặc nhiều khu vực, nguồn nước, đất, hệ sinh thái, khu dân cư hoặc công trình môi trường bị ô nhiễm, suy thoái, tổn thương hoặc phát sinh chất thải cần thu gom, xử lý do tác động trực tiếp của thiên tai. Mỗi xã/phường chỉ thống kê một lần, không phụ thuộc số lượng loại hình hoặc phạm vi thiệt hại về môi trường trên địa bàn.

- Khu dân cư được thống kê khi thiên tai trực tiếp gây ra tình trạng ô nhiễm, phát sinh hoặc tồn lưu rác thải, bùn đất, nước thải, chất thải hoặc các tác động môi trường khác làm ảnh hưởng đến điều kiện vệ sinh, môi trường sống của cộng đồng dân cư. Một khu dân cư bị ảnh hưởng bởi nhiều loại tác động môi trường chỉ thống kê một lần.

- Khối lượng rác thải, bùn đất và các chất thải khác phát sinh trực tiếp do thiên tai hoặc do thiên tai cuốn trôi, dồn ứ, vùi lấp, cần được thu gom, vận chuyển, xử lý để bảo đảm vệ sinh môi trường. Khối lượng được xác định bằng đo đạc, cân, ước tính theo phương pháp phù hợp hoặc hồ sơ thu gom, vận chuyển, xử lý có liên quan. Không tính khối lượng chất thải phát sinh từ hoạt động sản xuất, kinh doanh, sinh hoạt thông thường không do thiên tai gây ra.

- Sự cố được thống kê khi thiên tai trực tiếp gây ra hoặc làm phát sinh, kích hoạt, gia tăng mức độ của sự cố môi trường, như tràn dầu, rò rỉ hóa chất, phát tán chất nguy hại, vỡ hồ/bãi chứa chất thải hoặc sự cố tương tự, có ảnh hưởng hoặc nguy cơ ảnh hưởng đến môi trường và cần áp dụng biện pháp ứng phó, kiểm soát, khắc phục.

- Công trình, thiết bị, hệ thống quan trắc được thống kê khi đã tồn tại trước thiên tai và bị thiên tai tác động trực tiếp làm sập, đổ, cuốn trôi, phá hủy hoặc hư hỏng, dẫn đến mất hoặc suy giảm khả năng thực hiện chức năng bảo vệ môi trường.

4. Mức độ thiệt hại

Mức độ thiệt hại được xác định căn cứ vào:

- Phạm vi, diện tích hoặc khối lượng thành phần môi trường bị ảnh hưởng.

- Mức độ suy giảm chức năng, chất lượng môi trường hoặc hệ sinh thái.

- Mức độ cần thiết của các biện pháp phục hồi, cải tạo, xử lý.

- Đối với các tiêu chí mà có quy định, quy chuẩn chuyên ngành riêng thì áp dụng theo các tiêu chí chuyên ngành phù hợp.

5. Phương pháp ước tính thiệt hại

Giá trị thiệt hại về môi trường chỉ được ước tính bằng tiền khi có căn cứ, phương pháp và dữ liệu phù hợp theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

Đối với thiệt hại có thể xác định được chi phí để xử lý, cải tạo, phục hồi môi trường hoặc khôi phục hệ sinh thái, có thể căn cứ vào khối lượng công việc, định mức, đơn giá và chi phí hợp lý để thực hiện việc phục hồi.

D. BIỂU MẪU SỐ 03: BẢNG TỔNG HỢP THỐNG KÊ, ĐÁNH GIÁ THIỆT HẠI VỀ NÔNG NGHIỆP

I. CHỈ TIÊU THIỆT HẠI VỀ CÂY TRỒNG

1. Khái niệm

Thiệt hại về cây trồng do thiên tai là thiệt hại trực tiếp do thiên tai gây ra đối với cây trồng, diện tích gieo trồng, diện tích đang sinh trưởng hoặc diện tích đang cho thu hoạch, làm cây trồng bị chết, gãy đổ, vùi lấp, ngập úng, khô hạn, nhiễm mặn, nhiễm phèn hoặc hư hỏng, dẫn đến giảm hoặc mất khả năng sinh trưởng, thu hoạch và năng suất so với trước khi xảy ra thiên tai.

Cây hằng năm là loại cây được gieo trồng, cho thu hoạch và kết thúc chu kỳ sản xuất trong thời gian không quá 01 năm, kể cả cây hằng năm lưu gốc. Cây hằng năm bao gồm: Các loại rau màu, cây lương thực không phải lúa (ngô, khoai, sắn), cây mía, cây cói, đay, gai, sả, dâu tằm và cây dược liệu hằng năm.

Cây trồng lâu năm là loại cây được gieo trồng một lần, sinh trưởng trong nhiều năm và cho thu hoạch một hoặc nhiều lần. Cây trồng lâu năm bao gồm: Cây công nghiệp lâu năm (cao su, cà phê, chè, điều, ca cao); cây ăn quả lâu năm (cam, bưởi, sầu riêng, xoài, nhãn, vải, thanh long); cây lâu năm khác (cây lấy gỗ, cây bóng mát, cây làm dược liệu lâu năm hoặc cây cảnh trồng lâu năm).

2. Chỉ tiêu thống kê

a) Diện tích lúa

- Sau gieo trồng từ 01 đến 10 ngày;

- Sau gieo trồng từ trên 10 đến 45 ngày;

- Sau gieo trồng trên 45 ngày.

b) Diện tích mạ

c) Cây hằng năm khác

- Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng);

- Giai đoạn cây đang phát triển (từ trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng);

- Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng).

d) Cây trồng lâu năm

- Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản.

- Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết.

- Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống.

- Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng.

đ) Vật tư, chuồng, trại, thiết bị và công trình phục vụ trồng trọt.

e) Các thiệt hại về cây trồng khác.

3. Tiêu chí xác định

Thiệt hại về cây trồng được thống kê là bị thiệt hại do thiên tai khi:

a) Đã được gieo trồng hoặc trồng trước thời điểm xảy ra thiên tai.

b) Bị tác động trực tiếp bởi một hoặc nhiều loại hình thiên tai.

c) Có cây trồng bị chết, mất, gãy, đổ, vùi lấp, ngập úng, khô hạn, nhiễm mặn, nhiễm phèn hoặc hư hỏng.

d) Thiệt hại làm giảm hoặc mất khả năng sinh trưởng, năng suất, sản lượng.

đ) Có căn cứ xác định diện tích và mức độ thiệt hại thông qua kiểm tra thực tế, báo cáo của người sản xuất, hồ sơ sản xuất, bản đồ/số liệu đất đai, ảnh viễn thám, dữ liệu chuyên ngành hoặc nguồn thông tin hợp pháp khác.

4. Nguyên tắc thống kê

Diện tích bị thiệt hại phải là diện tích thực tế đã gieo trồng, trồng hoặc đang sản xuất, không tính diện tích đất chưa đưa vào sản xuất.

Một diện tích cây trồng chỉ được thống kê một lần theo loại cây và mức độ thiệt hại tương ứng.

Thiệt hại về cây trồng phải được phân biệt với thiệt hại về đất nông nghiệp, hệ thống thủy lợi, nhà kính, nhà lưới, kho bảo quản và tài sản phục vụ sản xuất.

Trường hợp thiên tai xảy ra nhiều lần trong cùng một vụ sản xuất, chỉ thống kê thiệt hại thực tế chưa được thống kê ở lần trước, tránh cộng trùng diện tích.

5. Mức độ thiệt hại

Mức độ thiệt hại đối với cây trồng được xác định theo tỷ lệ diện tích bị thiệt hại so với trước khi xảy ra thiên tai, gồm:

a) Thiệt hại hoàn toàn: Diện tích cây trồng bị mất trắng, chết hoặc hư hỏng đến mức không còn khả năng thu hoạch hoặc không còn khả năng phục hồi để tiếp tục chu kỳ sản xuất trên 70%.

b) Thiệt hại nặng: Diện tích cây trồng bị chết, hư hỏng từ 30% đến 70%, làm giảm đáng kể năng suất hoặc sản lượng, khả năng phục hồi để tiếp tục chu kỳ sản xuất ở các mức khác nhau.

c) Thiệt hại một phần: Diện tích cây trồng bị hư hỏng nhẹ dưới 30%, làm giảm một phần năng suất hoặc sản lượng, có thể tiếp tục sinh trưởng và cho thu hoạch.

6. Phương pháp ước tính thiệt hại

Giá trị thiệt hại về cây trồng được xác định căn cứ vào diện tích, loại cây trồng, thời kỳ sinh trưởng, mức độ thiệt hại và giá cả phù hợp tại thời điểm ngay trước khi xảy ra thiên tai hoặc tính theo định mức, phương pháp hướng dẫn chuyên ngành về trồng trọt.

Giá trị thiệt hại đối với vật tư, chuồng, trại, thiết bị và công trình phục vụ

trồng trọt được xác định trên cơ sở giá trị của công trình, vật tư, thiết bị ngay trước thời điểm xảy ra thiên tai, kết hợp với khối lượng, định mức đơn giá để áp dụng:

- Trường hợp có quy định, định mức, đơn giá hoặc phương pháp xác định giá trị do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành thì áp dụng theo quy định đó.

- Trường hợp chưa có quy định, định mức, đơn giá hoặc phương pháp xác định giá trị phù hợp thì căn cứ vào suất vốn đầu tư xây dựng, đơn giá xây dựng, giá xây dựng tổng hợp bộ phận kết cấu công trình, thiết bị được cơ quan có thẩm quyền công bố và mặt bằng giá phổ biến tại địa phương tại thời điểm xảy ra thiên tai để ước tính thiệt hại.

II. CHỈ TIÊU THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP

1. Khái niệm

Thiệt hại về lâm nghiệp do thiên tai là thiệt hại trực tiếp do thiên tai gây ra đối với rừng trồng, cây lâm nghiệp, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp, rừng tự nhiên, nguồn giống lâm nghiệp, cây giống tại vườn ươm và công trình hạ tầng phục vụ bảo vệ, phát triển rừng, làm mất, gãy đổ, chết, hư hỏng hoặc suy giảm khả năng sinh trưởng, phục hồi, cung cấp sản phẩm, thực hiện chức năng của rừng hoặc phục vụ công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

2. Chỉ tiêu thống kê

a) Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác bị thiệt hại.

b) Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp từ trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03 năm tuổi bị thiệt hại.

c) Diện tích vườn giống, rừng giống bị thiệt hại.

d) Diện tích cây giống được ươm trong giai đoạn vườn ươm bị thiệt hại.

đ) Diện tích rừng tự nhiên bị thiệt hại do thiên tai (đổ, gãy, sạt lở, vùi lấp hoặc bị mất rừng).

e) Công trình hạ tầng phục vụ bảo vệ và phát triển rừng bị thiệt hại.

g) Các thiệt hại khác về lâm nghiệp.

3. Tiêu chí xác định

a) Diện tích cây rừng, cây lâm nghiệp trồng trên đất lâm nghiệp được thống kê khi đáp ứng các điều kiện sau:

- Cây được trồng trên đất lâm nghiệp trước thời điểm xảy ra thiên tai.

- Bị thiên tai tác động trực tiếp làm cây bị gãy, đổ, bật gốc, chết, vùi lấp, cuốn trôi hoặc hư hỏng.

- Thiệt hại làm giảm mật độ cây sống, khả năng sinh trưởng hoặc khả năng tiếp tục phát triển của diện tích trồng rừng.

- Xác định được diện tích thực tế bị thiệt hại thông qua kiểm tra hiện trường, hồ sơ trồng rừng, bản đồ hoặc tài liệu quản lý rừng.

- Thời gian từ khi trồng đến thời điểm xảy ra thiên tai được xác định căn cứ hồ sơ trồng rừng và chu kỳ khai thác áp dụng đối với loài cây, mục đích trồng rừng tương ứng.

- Trường hợp cây lâm sản ngoài gỗ không có chu kỳ khai thác được xác định rõ, cần căn cứ đặc điểm sinh trưởng, thời kỳ thu hoạch và hồ sơ kỹ thuật của loài cây để phân loại; không tự quy đổi theo chu kỳ khai thác của cây gỗ.

b) Diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03 năm tuổi được thống kê khi

- Là rừng trồng gỗ lớn theo hồ sơ, phương án hoặc tiêu chí chuyên ngành áp dụng.

- Có tuổi rừng trên 03 năm tại thời điểm xảy ra thiên tai.

- Bị thiên tai tác động trực tiếp làm cây gãy, đổ, bật gốc, chết hoặc hư hỏng, ảnh hưởng đến mật độ, chất lượng, khả năng sinh trưởng hoặc mục tiêu kinh doanh rừng gỗ lớn.

c) Diện tích vườn giống, rừng giống được thống kê

- Khi đã tồn tại trước thời điểm xảy ra thiên tai và bị tác động trực tiếp làm cây giống, cây mẹ, cây trội hoặc các bộ phận phục vụ sản xuất, cung cấp nguồn giống bị gãy, đổ, chết, hư hỏng hoặc suy giảm khả năng cung cấp giống.

- Diện tích thống kê là diện tích thực tế bị thiệt hại; trường hợp chỉ một phần vườn giống hoặc rừng giống bị ảnh hưởng thì không tính toàn bộ diện tích.

d) Diện tích cây giống được ươm trong giai đoạn vườn ươm

Diện tích được thống kê khi cây giống đã được gieo, ươm hoặc đang chăm sóc tại vườn ươm trước thời điểm xảy ra thiên tai và bị thiên tai tác động trực tiếp làm cây giống chết, cuốn trôi, vùi lấp, gãy, hư hỏng hoặc không còn đủ điều kiện tiêu chuẩn để sử dụng cho mục đích trồng rừng.

Xác định theo diện tích thực tế có cây giống bị thiệt hại.

Thiệt hại đối với nhà che, hệ thống tưới, khay, bầu, thiết bị và công trình vườn ươm được thống kê theo tài sản hoặc công trình tương ứng.

đ) Diện tích rừng tự nhiên bị đổ, gãy, bị sạt lở gây thiệt hại do thiên tai.

Diện tích được thống kê khi có căn cứ xác định thiên tai trực tiếp gây ra một trong các tình trạng sau:

Cây rừng bị gãy, đổ, bật gốc trên diện rộng hoặc với mức độ ảnh hưởng đáng kể đến cấu trúc, chất lượng và khả năng phục hồi của rừng.

Đất rừng bị sạt lở, cuốn trôi hoặc vùi lấp, làm tổn hại thảm thực vật rừng.

Diện tích rừng bị phá hủy hoặc không còn đáp ứng tiêu chí xác định rừng theo quy định pháp luật về lâm nghiệp do tác động của thiên tai.

Chỉ xác định là mất rừng khi có đủ căn cứ theo quy định pháp luật về lâm nghiệp; không mặc nhiên coi mọi diện tích cây rừng gãy, đổ hoặc bị sạt lở là diện tích mất rừng.

e) Công trình hạ tầng phục vụ bảo vệ và phát triển rừng bị thiệt hại

Công trình được thống kê khi đã tồn tại trước thời điểm xảy ra thiên tai và bị thiên tai tác động trực tiếp làm sập, đổ, cuốn trôi, sạt lở, hư hỏng hoặc suy giảm khả năng sử dụng.

Công trình hạ tầng phục vụ bảo vệ và phát triển rừng bao gồm đường lâm nghiệp, chòi canh lửa, trạm bảo vệ rừng, công trình phòng cháy và chữa cháy rừng, công trình phục vụ gieo ươm và phát triển rừng, công trình phụ trợ và các hạng mục hạ tầng lâm nghiệp khác theo quy định chuyên ngành lâm nghiệp.

4. Mức độ thiệt hại về lâm nghiệp

Mức độ thiệt hại đối với lâm nghiệp được xác định theo tỷ lệ diện tích bị thiệt hại so với trước khi xảy ra thiên tai, gồm:

a) Thiệt hại hoàn toàn: Phần lớn diện tích cây lâm nghiệp bị chết, cuốn trôi, vùi lấp hoặc hư hỏng đến mức không còn khả năng phục hồi, phải trồng lại hoặc gieo ươm lại trên 70%.

b) Thiệt hại nặng: Diện tích cây bị gãy, đổ, hư hỏng từ 30% đến 70%, cần trồng bổ sung, trồng lại hoặc áp dụng biện pháp phục hồi lớn.

c) Thiệt hại một phần: Diện tích cây lâm nghiệp bị hư hỏng nhẹ dưới 30%, cây còn khả năng sống và phục hồi nhưng bị tổn thương, làm giảm mật độ, chất lượng hoặc khả năng sinh trưởng.

d) Đối với công trình hạ tầng lâm nghiệp, phân loại theo tình trạng công trình bị phá hủy hoàn toàn, hư hỏng nặng hoặc hư hỏng một phần, căn cứ khả năng sử dụng và nhu cầu sửa chữa, khôi phục thực tế.

5. Phương pháp ước tính thiệt hại

Giá trị thiệt hại được xác định trên cơ sở đối tượng bị thiệt hại, diện tích thiệt hại, tình trạng sinh trưởng, mức độ thiệt hại và giá trị tài sản trước thời điểm xảy ra thiên tai.

Đối với rừng trồng: Căn cứ diện tích, loài cây, tuổi rừng, mật độ, tình trạng cây và mức độ thiệt hại; áp dụng định mức, đơn giá hoặc phương pháp xác định giá trị phù hợp với quy định chuyên ngành về lâm nghiệp.

Đối với rừng trồng gỗ lớn: Xem xét giá trị lâm sản, tình trạng cây và khả năng tiếp tục sinh trưởng, khai thác; không lấy toàn bộ giá trị khai thác dự kiến trong tương lai làm giá trị thiệt hại.

Đối với vườn giống, rừng giống: Căn cứ thiệt hại đối với cây giống, cây mẹ, nguồn vật liệu giống, áp dụng định mức, đơn giá hoặc phương pháp xác định giá trị phù hợp với quy định chuyên ngành về lâm nghiệp.

Đối với cây giống tại vườn ươm: Căn cứ số lượng hoặc diện tích cây giống bị thiệt hại, chủng loại, tuổi cây, áp dụng định mức, đơn giá hoặc phương pháp xác định giá trị phù hợp với quy định chuyên ngành về lâm nghiệp.

Đối với rừng tự nhiên: Ưu tiên thống kê diện tích, loại rừng, mức độ tác động và tình trạng mất rừng. Chỉ quy đổi thành tiền khi có phương pháp và căn cứ pháp lý phù hợp; không mặc nhiên xác định toàn bộ giá trị sinh thái của rừng bằng chi phí trồng lại.

Đối với công trình hạ tầng lâm nghiệp: Căn cứ khối lượng, bộ phận, hạng mục công trình bị thiệt hại và định mức đơn giá để áp dụng:

- Trường hợp có quy định, định mức, đơn giá hoặc phương pháp xác định giá trị do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành thì áp dụng theo quy định đó.

- Trường hợp chưa có quy định, định mức, đơn giá hoặc phương pháp xác định giá trị phù hợp thì căn cứ vào suất vốn đầu tư xây dựng, đơn giá xây dựng, giá xây dựng tổng hợp bộ phận kết cấu công trình, thiết bị được cơ quan có thẩm quyền công bố và mặt bằng giá phổ biến tại địa phương tại thời điểm xảy ra thiên tai để ước tính thiệt hại.

III. CHỈ TIÊU THIỆT HẠI VỀ THỦY SẢN

1. Khái niệm

Thiệt hại về thủy sản là những tác động trực tiếp do thiên tai gây ra đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản, thủy sản nuôi, cơ sở và phương tiện phục vụ nuôi trồng thủy sản, phương tiện khai thác thủy sản; bao gồm thủy sản bị chết, thất thoát, cuốn trôi, công trình nuôi bị hư hỏng và phương tiện khai thác bị hư hỏng, chìm, mất hoặc không thể tiếp tục hoạt động.

Việc thống kê phải căn cứ vào hiện trạng thiệt hại thực tế, hồ sơ sản xuất, kiểm tra tại hiện trường và tài liệu xác minh có liên quan; chỉ ghi nhận thiệt hại trực tiếp do thiên tai gây ra.

2. Chỉ tiêu thống kê

a) Diện tích nuôi trồng thủy sản bán thâm canh, thâm canh trong ao (đầm/hầm).

b) Nuôi trồng thủy sản trong bể, lồng, bè.

c) Nuôi trồng thủy sản theo hình thức khác.

d) Tàu cá, phương tiện khai thác thủy hải sản.

đ) Ngư cụ, dụng cụ khai thác thủy hải sản bị thiệt hại, hư hỏng.

e) Các thiệt hại về thủy sản khác.

3. Tiêu chí xác định

a) Diện tích nuôi trồng thủy sản theo hình thức bán thâm canh hoặc thâm canh trong ao, đầm, hầm được thống kê khi:

- Diện tích ao, đầm, hầm đang nuôi thủy sản tại thời điểm xảy ra thiên tai.

- Thiên tai trực tiếp làm thủy sản nuôi bị chết, thất thoát, bị cuốn trôi.

- Diện tích thiệt hại được xác định theo diện tích thực tế bị ảnh hưởng; trường hợp chỉ một phần diện tích bị thiệt hại thì chỉ thống kê phần diện tích đó.

b) Diện tích nuôi trồng thủy sản trong bể, lồng, bè

- Bể, lồng, bè đã được bố trí và sử dụng để nuôi thủy sản trước khi xảy ra thiên tai.

- Thủy sản nuôi bị chết, thất thoát hoặc bị cuốn trôi do lũ, ngập, dòng chảy mạnh, sóng lớn, sạt lở hoặc các tác động trực tiếp khác của thiên tai.

- Bể, lồng, bè, khung, phao, dây neo, hệ thống cấp nước và các bộ phận liên quan bị phá hủy, hư hỏng hoặc trôi mất do thiên tai.

- Xác định số lượng bể, lồng, bè bị thiệt hại; số lượng hoặc khối lượng thủy sản bị thiệt hại và giá trị tương ứng khi có đủ căn cứ.

c) Nuôi trồng thủy sản theo hình thức khác

- Hoạt động nuôi trồng thủy sản không thuộc hình thức nuôi bán thâm canh, thâm canh trong ao, đầm, hầm hoặc nuôi trong bể, lồng, bè, bị thiệt hại trực tiếp do thiên tai.

- Xác định hình thức nuôi cụ thể, địa điểm, diện tích hoặc quy mô nuôi trước khi xảy ra thiên tai.

- Có thủy sản nuôi, khu vực nuôi hoặc tài sản trực tiếp phục vụ hoạt động nuôi bị thiệt hại do thiên tai.

- Xác định diện tích thực tế bị thiệt hại; ghi rõ hình thức nuôi để phục vụ tổng hợp, đối chiếu.

Chỉ xếp vào chỉ tiêu này khi hoạt động nuôi không thuộc hai chỉ tiêu nêu tại điểm a, điểm b.

4. Mức độ thiệt hại

Mức độ thiệt hại đối với nuôi trồng thủy hải sản được lượng hóa bằng số lượng, diện tích bị thiệt hại phù hợp với từng chỉ tiêu, không xác định theo định tính hay tỷ lệ % bị thiệt hại.

Mức độ thiệt hại đối với tàu cá, phương tiện khai thác thủy hải sản, ngư cụ, dụng cụ được xác định theo tỷ lệ thiệt hại: Thiệt hại hoàn toàn, thiệt hại nặng và thiệt hại một phần.

5. Phương pháp ước tính thiệt hại

Giá trị thiệt hại đối với nhóm chỉ tiêu về thủy sản được ước tính trên cơ sở khối lượng, diện tích, số lượng đối tượng bị thiệt hại trực tiếp do thiên tai và đơn giá phù hợp tại thời điểm xảy ra thiên tai.

Việc ước tính phải căn cứ vào kết quả kiểm tra, xác minh tại hiện trường; hồ sơ sản xuất, nuôi trồng, quản lý tài sản; giá thị trường tại địa phương và các tài liệu có liên quan. Trường hợp không đủ điều kiện xác định chính xác, được phép ước tính theo số liệu thực tế có thể kiểm chứng, phương pháp chuyên ngành về thủy sản và phải nêu rõ căn cứ ước tính.

Giá trị thiệt hại được xác định theo giá trị thiệt hại trực tiếp thực tế, không tính toàn bộ doanh thu dự kiến, lợi nhuận kỳ vọng hoặc các thiệt hại gián tiếp do gián đoạn hoạt động nuôi.

Đối với tàu thuyền, phương tiện khai thác thủy sản được xác định dựa vào vào đặc điểm, tình trạng và mức độ hư hỏng thực tế của từng phương tiện và đơn giá, định mức kinh tế - kỹ thuật, đơn giá xây dựng hoặc sửa chữa, định mức chuyên ngành được cơ quan có thẩm quyền công bố hoặc cho phép áp dụng.

Trường hợp không có đủ thông tin nêu trên, sử dụng số liệu điều tra, khảo sát hoặc phương pháp ước tính chuyên môn có căn cứ; phải ghi rõ nguồn dữ liệu, giả định và cách tính.

IV. CHỈ TIÊU THIỆT HẠI VỀ VẬT NUÔI

1. Khái niệm

Thiệt hại về vật nuôi là thiệt hại trực tiếp do thiên tai gây ra đối với vật nuôi đang được nuôi dưỡng, quản lý tại cơ sở chăn nuôi hoặc hộ chăn nuôi, bao gồm vật nuôi bị chết, mất tích, bị cuốn trôi và chuồng trại, trang thiết bị và công trình phục vụ chăn nuôi.

Việc xác định thiệt hại về vật nuôi phải căn cứ vào số lượng vật nuôi thực tế bị thiệt hại, loài vật nuôi, nhóm tuổi, tình trạng trước khi xảy ra thiên tai và kết quả kiểm tra, xác minh. Đối với chuồng trại, trang thiết bị và công trình chăn nuôi, xác định theo khối lượng, mức độ hư hỏng thực tế.

2. Chỉ tiêu thống kê

a) Gia cầm (gà, vịt, ngan, ngỗng, bồ câu).

b) Chim cút.

c) Lợn.

d) Lợn nái và lợn đực đang khai thác.

đ) Bê cái hướng sữa đến 6 tháng tuổi.

e) Bò sữa trên 6 tháng tuổi.

g) Trâu, bò thịt, ngựa.

h) Hươu sao, dê, cừu, đà điểu.

i) Thỏ.

k) Ong mật (tính theo đàn).

l) Thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y, vắc xin bị thiệt hại.

m) Chuồng, trại, thiết bị và công trình phục vụ chăn nuôi bị thiệt hại.

n) Các thiệt hại khác về vật nuôi.

3. Tiêu chí xác định

Vật nuôi bị thiệt hại được xác định theo từng loại, số lượng thực tế bị thiệt hại:

- Xác định các loại nuôi cụ thể, địa điểm, số lượng hoặc quy mô nuôi trước khi xảy ra thiên tai.

- Thống kê số lượng vật nuôi bị thiệt hại theo từng loài và nhóm phân loại; không lấy tổng đàn tại khu vực xảy ra thiên tai làm số lượng thiệt hại.

- Có căn cứ xác định loài vật nuôi thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật về chăn nuôi và được nuôi hợp pháp.

4. Mức độ thiệt hại đối với vật nuôi

Thiệt hại đối với vật nuôi do thiên tai gây ra là bị chết, mất tích, bị cuốn trôi.

Đối với chuồng trại, công trình chăn nuôi được xác định theo các mức độ thiệt hại hoàn toàn, thiệt hại nặng và thiệt hại một phần.

5. Phương pháp ước tính thiệt hại

Giá trị thiệt hại đối với nhóm chỉ tiêu về vật nuôi được ước tính trên cơ sở khối lượng, số lượng đối tượng bị thiệt hại trực tiếp do thiên tai và đơn giá phù hợp tại thời điểm xảy ra thiên tai.

Việc ước tính phải căn cứ vào kết quả kiểm tra, xác minh tại hiện trường; hồ sơ nuôi, quản lý tài sản; giá thị trường tại địa phương và các tài liệu có liên quan. Trường hợp không đủ điều kiện xác định chính xác, được phép ước tính theo số liệu thực tế có thể kiểm chứng, phương pháp chuyên ngành phù hợp và phải nêu rõ căn cứ ước tính.

Giá trị thiệt hại được xác định theo giá trị thiệt hại trực tiếp thực tế, không tính toàn bộ doanh thu dự kiến, lợi nhuận kỳ vọng hoặc các thiệt hại gián tiếp do gián đoạn hoạt động chăn nuôi.

Giá trị thiệt hại đối với chuồng, trại, thiết bị và công trình phục vụ chăn nuôi bị thiệt hại được xác định trên cơ sở giá trị của công trình, vật tư, thiết bị ngay trước thời điểm xảy ra thiên tai, kết hợp với khối lượng, định mức đơn giá để áp dụng:

- Trường hợp có quy định, định mức, đơn giá hoặc phương pháp xác định giá trị do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành thì áp dụng theo quy định đó.

- Trường hợp chưa có quy định, định mức, đơn giá hoặc phương pháp xác định giá trị phù hợp thì căn cứ vào suất vốn đầu tư xây dựng, đơn giá xây dựng, giá xây dựng tổng hợp bộ phận kết cấu công trình, thiết bị được cơ quan có thẩm quyền công bố và mặt bằng giá phổ biến tại địa phương tại thời điểm xảy ra thiên tai để ước tính thiệt hại.

V. CHỈ TIÊU THIỆT HẠI VỀ MUỐI

1. Khái niệm

Thiệt hại về muối là thiệt hại trực tiếp do thiên tai gây ra đối với diện tích, cơ sở sản xuất muối, sản lượng muối đang sản xuất hoặc đã thu hoạch và công trình, thiết bị phục vụ sản xuất, thu hoạch, bảo quản muối.

Việc thống kê thiệt hại phải căn cứ vào hiện trạng thực tế tại thời điểm xảy ra thiên tai, diện tích sản xuất muối, khối lượng muối bị thiệt hại, mức độ hư hỏng của công trình, thiết bị và tài liệu kiểm tra, xác minh có liên quan.

2. Chỉ tiêu thống kê

a) Diện tích muối bị thiệt hại bao gồm muối kết tinh trên ruộng, muối đã thu hoạch và đang lưu trữ tại khu vực sản xuất;

b) Công trình và máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất, thu hoạch, bảo quản muối (bao gồm các kho chứa, nhà tập kết, nền sân, bờ bao, hệ thống dẫn và cấp thoát nước, công trình điều tiết nước, đường nội đồng và các công trình trực tiếp phục vụ sản xuất, thu hoạch, bảo quản muối bị hư hỏng hoặc phá hủy do thiên tai).

3. Tiêu chí xác định

- Diện tích đã được đưa vào sản xuất muối hoặc đang trong quá trình chuẩn bị sản xuất theo quy trình sản xuất muối tại thời điểm xảy ra thiên tai.

- Có thiệt hại trực tiếp như ngập, sạt lở, bồi lấp, xói mòn, hư hỏng nền sản xuất, bờ bao, hệ thống dẫn nước hoặc các hạng mục khác làm ảnh hưởng đến khả năng sản xuất, thu hoạch muối.

- Chỉ thống kê phần diện tích thực tế bị thiệt hại; trường hợp toàn bộ khu vực sản xuất bị ảnh hưởng nhưng chỉ một phần diện tích bị hư hỏng thì xác định riêng phần diện tích đó.

- Đối với công trình và máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất, thu hoạch, bảo quản muối:

+ Công trình đã tồn tại trước khi xảy ra thiên tai và thuộc phạm vi phục vụ hoạt động sản xuất muối.

+ Có thiệt hại trực tiếp như sập đổ, ngập, sạt lở, xói mòn, cuốn trôi hoặc hư hỏng kết cấu.

+ Xác định theo từng công trình, hạng mục, khối lượng và mức độ hư hỏng thực tế.

4. Mức độ thiệt hại đối với muối

- Thiệt hại hoàn toàn: Trên 70% diện tích hoặc hạng mục sản xuất bị phá hủy, không thể tiếp tục sử dụng nếu chưa khôi phục; muối bị cuốn trôi, hòa tan hoặc không còn khả năng sử dụng và không thể thu hồi hợp lý.

- Thiệt hại nặng: Từ 30% đến 70% diện tích, sản lượng, công trình hoặc thiết bị bị thiệt hại.

- Thiệt hại một phần: Dưới 30% diện tích, sản lượng, công trình hoặc thiết bị bị thiệt hại.

5. Phương pháp ước tính thiệt hại

Giá trị thiệt hại đối với sản xuất muối được ước tính trên cơ sở khối lượng muối bị thiệt hại và giá trị thiệt hại thực tế đối với công trình, máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất muối do thiên tai gây ra.

Đơn giá muối được xác định theo giá giao dịch phổ biến tại địa phương ở thời điểm xảy ra thiên tai, tương ứng với loại muối, chất lượng, quy cách và điều kiện giao dịch. Có thể sử dụng hóa đơn, hợp đồng mua bán, sổ sách sản xuất, chứng từ kế toán hoặc kết quả khảo sát giá làm căn cứ.

Đối với công trình, kho chứa, máy móc và thiết bị phục vụ sản xuất muối được xác định trên cơ sở giá trị của công trình, vật tư, thiết bị ngay trước thời điểm xảy ra thiên tai, kết hợp với khối lượng, định mức đơn giá để áp dụng:

- Trường hợp có quy định, định mức, đơn giá hoặc phương pháp xác định giá trị do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành thì áp dụng theo quy định đó.

- Trường hợp chưa có quy định, định mức, đơn giá hoặc phương pháp xác định giá trị phù hợp thì căn cứ vào suất vốn đầu tư xây dựng, đơn giá xây dựng, giá xây dựng tổng hợp bộ phận kết cấu công trình, thiết bị được cơ quan có thẩm quyền công bố và mặt bằng giá phổ biến tại địa phương tại thời điểm xảy ra thiên tai để ước tính thiệt hại.

VI. CHỈ TIÊU THIỆT HẠI VỀ LƯƠNG THỰC, GIỐNG

1. Khái niệm

Thiệt hại về lương thực, giống do thiên tai là thiệt hại trực tiếp do thiên tai gây ra đối với lương thực đã thu hoạch, lương thực dự trữ và các loại giống phục vụ sản xuất nông nghiệp bị ngập, hư hỏng, cuốn trôi, vùi lấp không còn khả năng sử dụng hoặc không bảo đảm tiêu chuẩn để sử dụng.

2. Chỉ tiêu thống kê

a) Lương thực bị thiệt hại bao gồm: lúa đã thu hoạch; gạo; ngô; các loại lương thực khác (sắn, khoai và các loại lương thực khác theo đặc điểm sản xuất thực tế của địa phương).

b) Hạt giống bị thiệt hại bao gồm: Giống lúa, giống ngô, giống cây lương thực, cây rau màu và các cây trồng khác.

3. Tiêu chí xác định

a) Đối với lương thực bị thiệt hại:

- Lương thực đã được thu hoạch, tập kết, bảo quản hoặc dự trữ trước thời điểm xảy ra thiên tai.

- Lương thực bị thiên tai tác động trực tiếp làm ngập, hư hỏng, cuốn trôi, vùi lấp hoặc mất khả năng bảo quản, sử dụng.

- Xác định khối lượng lương thực thực tế bị thiệt hại theo từng loại, địa điểm và chủ sở hữu hoặc đơn vị quản lý.

b) Đối hạt giống bị thiệt hại

- Hạt giống đã được sản xuất, thu hoạch, thu mua, tập kết hoặc bảo quản để phục vụ sản xuất trước thời điểm xảy ra thiên tai.

- Hạt giống bị thiên tai tác động trực tiếp làm hư hỏng, cuốn trôi, vùi lấp hoặc mất khả năng sử dụng.

- Xác định theo chủng loại, giống, số lượng hoặc khối lượng thực tế bị thiệt hại.

4. Mức độ thiệt hại

Mức độ thiệt hại đối với lương thực, giống được xác định căn cứ vào tỷ lệ khối lượng, số lượng hoặc giá trị bị thiệt hại so với tổng khối lượng, số lượng hoặc giá trị trước khi xảy ra thiên tai, gồm:

a) Thiệt hại hoàn toàn: Trên 70% khối lượng, số lượng lương thực, giống bị mất, hư hỏng, cuốn trôi hoặc mất khả năng bảo quản, sử dụng.

b) Thiệt hại nặng: Từ 30% đến 70% khối lượng, số lượng lương thực, giống bị mất, hư hỏng hoặc ảnh hưởng đáng kể đến khả năng sử dụng.

c) Thiệt hại một phần: Dưới 30% khối lượng, số lượng lương thực, giống bị mất, hư hỏng hoặc suy giảm chất lượng, phần còn lại cơ bản vẫn bảo đảm khả năng sử dụng.

5. Phương pháp ước tính thiệt hại

Giá trị thiệt hại về lương thực, giống được xác định trên cơ sở khối lượng, số lượng, chủng loại, chất lượng và giá trị thực tế của đối tượng bị thiệt hại tại thời điểm ngay trước khi xảy ra thiên tai.

Đối với lương thực: Căn cứ khối lượng, chủng loại, chất lượng lương thực bị thiệt hại và giá giao dịch phổ biến tại địa phương ở thời điểm xảy ra thiên tai.

Đối với giống cây trồng: Căn cứ chủng loại, cấp giống, số lượng hoặc khối lượng giống bị thiệt hại, giá giống tương ứng trên thị trường hoặc chi phí sản xuất thực tế có căn cứ.

Trường hợp lương thực, giống bị hư hỏng một phần nhưng vẫn có khả năng thu hồi, tận dụng hoặc sử dụng vào mục đích khác thì giá trị thiệt hại được xác định trên cơ sở giá trị thực tế bị mất hoặc suy giảm.